

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BETA

MỤC LỤC

01 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

02 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung
2. Các lĩnh vực hoạt động
3. Các dịch vụ chứng khoán
4. Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp
5. Quá trình hình thành - cột mốc phát triển
6. Mô hình quản trị
7. Ban lãnh đạo
8. Định hướng phát triển của Công ty
9. Các rủi ro

03 - 18

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019
2. Tổ chức và Nhân sự

19 - 23

04 BÁO CÁO - ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Môi trường kinh doanh năm 2019
2. Dự đoán xu hướng phát triển năm 2020
3. Định hướng phát triển năm 2020

24 - 44

05 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty
2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý
3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

45 - 48

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 (ĐÃ KIỂM TOÁN)

49

“ BSI xác định phương châm hoạt động của năm 2020 là: **“An toàn - Hiệu quả - Bền vững”**. Công ty sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn hiệu quả, hạn chế chi phí ở mức thấp nhất, tập trung tối đa nội lực của toàn thể Cán bộ - nhân viên BSI để vượt qua mọi khó khăn, bứt phá trong năm 2021, duy trì phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào sự phát triển của TTCK Việt Nam. ”



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Các bạn đồng nghiệp,

Năm 2019 khép lại trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, tác động trái chiều đến thị trường chứng khoán (TTCK), vừa mang tính tiêu cực, vừa mang tính tích cực, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự tăng trưởng chậm ở các nền kinh tế phát triển và Trung Quốc, sự giằng co trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, nguy cơ Brexit không đạt được thỏa thuận và đặc biệt là sự đảo chiều trong chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn trên thế giới. Cụ thể:

Nửa đầu năm 2019, TTCK toàn cầu hầu hết chịu ảnh hưởng tiêu cực của chính sách tiền tệ thắt chặt khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương các nước lớn liên tục tăng lãi suất từ năm 2018. Việc áp dụng chính sách tài chính thắt chặt của các nước lớn trong những năm trước và trong suốt năm 2018 đã dẫn đến xu hướng giảm tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu khi hầu hết các dự báo về mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 đều giảm.

Từ tháng 7/2019, dưới sức ép của nhiều nhân tố, trong đó có cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và nguy cơ tăng trưởng giảm ở hầu hết các nền kinh tế lớn, chính sách tiền tệ của các nước lớn đã bắt đầu đảo chiều theo hướng nới lỏng. Bên cạnh đó, một lượng lớn trái phiếu cũng được Ngân hàng Trung ương các nước mua lại nhằm tăng lượng cung tiền ra thị trường. Xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ tại các nước đã và đang dẫn đến việc đảo chiều dòng vốn từ các quỹ đầu tư trái phiếu sang các quỹ đầu tư cổ phiếu khi mà lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ hạ xuống 1,781%, còn lợi suất trái phiếu kỳ hạn 2 năm hạ xuống 1%. Đây là yếu tố nâng đỡ TTCK thế giới trong những tháng cuối năm 2019, đặc biệt là thị trường cổ phiếu giữ ổn định và tăng trưởng.

Trước những diễn biến phức tạp của TTCK thế giới, nhìn chung TTCK Việt Nam năm 2019 được đánh giá là có nhiều động lực tích cực hơn, hỗ trợ phát triển nhờ các yếu tố như: các cân đối vĩ mô được đảm bảo; chính sách tài khoá ổn định và chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng nới lỏng..v.v..

Hòa mình vào xu thế chung của TTCK thế giới và trong nước, BSI cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những biến động của thị trường và gặp phải những khó khăn nhất định trong năm 2019. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ - nhân viên và Ban lãnh đạo BSI, cùng với tinh thần đoàn kết, tận tâm thực hiện nhiệm vụ thì BSI cũng đã vượt qua giai đoạn khó khăn trong năm 2019 với một số thành tựu đáng kể, tạo động lực thúc đẩy BSI phát triển ổn định và bền vững trong tương lai và là chỗ dựa vững chắc đồng hành cùng Nhà đầu tư.

Kính thưa Quý vị,

Kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2019, VN-Index đạt 960,99 điểm, tăng 7,7% so với cuối năm 2018, cao hơn các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan và Indonesia. Điều này là cơ sở và động lực để TTCK bước qua năm 2020 với một tinh thần khởi sắc và tâm thế đón đầu.

Hơn nữa, Đề án "Cơ cấu lại TTCK và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025" do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 242-QĐ-TTg ngày 28/2/2019, năm 2020, các mục tiêu Chính phủ đặt ra cho TTCK bao gồm: Quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP, quy mô thị trường trái phiếu đạt mức 47% GDP. Số lượng công ty niêm yết đến năm 2020 tăng 20% so với năm 2017. Nhìn dưới nhiều góc độ, những mục tiêu đặt ra cho TTCK nhiều khả năng sẽ đạt được do dự báo sẽ có một số tác động tích cực đến thị trường và được xem là các nhân tố tạo động lực cho thị trường phát triển trong năm 2020.

Xác định năm 2020 là bước đệm quan trọng để hướng tới cột mốc 15 năm hoạt động của BSI, đây được cho là thời khắc quyết định để BSI tiếp tục ổn định, hoàn thiện và chuyển mình mạnh mẽ sang giai đoạn mới. Vì vậy, đứng trước cơ hội cũng là thách thức lớn trong thời gian tới, BSI xác định phương châm hoạt động của năm 2020 là: "An toàn - Hiệu quả - Bền vững". Công ty sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn hiệu quả, hạn chế chi phí ở mức thấp nhất, tập trung tối đa nội lực của toàn thể Cán bộ - nhân viên BSI để vượt qua mọi khó khăn, bứt phá trong năm 2021, duy trì phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào sự phát triển của TTCK Việt Nam.

Tương lai của BSI nằm ở đội ngũ kế thừa. Vì vậy, chúng tôi luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự và tạo ra môi trường làm việc năng động, cầu tiến, cạnh tranh công bằng để phát huy tối đa nguồn lực con người. Phía trước còn những mục tiêu cần phải hoàn thành và những khó khăn cần phải vượt qua, đòi hỏi cần phải có sự tái cơ cấu toàn diện trên cả hai khía cạnh: mô hình kinh doanh và đội ngũ nhân sự. Đây được xem là thách thức nhưng thực sự cần thiết khi chúng ta muốn đạt được cả hai mục tiêu: phát triển đội ngũ nhân sự song song với phát triển kinh doanh.

Mặc dù những sóng gió vẫn còn đó và làm chúng ta có một chút lúng lo, nhưng tôi không thể phủ nhận được niềm tin mãnh liệt cùng sự hào hứng, phấn khởi về giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của BSI.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng Quản trị BSI, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Ban Lãnh đạo cùng toàn thể Cán bộ - nhân viên đã và đang đóng góp không ngừng nghỉ cho sự phát triển của BSI. Đặc biệt, tôi cũng xin gửi lời biết ơn và tri ân sâu sắc đến Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Đối tác đã luôn lựa chọn, tin tưởng cũng như đồng hành cùng BSI trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển vừa qua. Đồng thời, tôi hy vọng rằng, trong thời gian tới, BSI sẽ luôn là nơi để Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Đối tác trao gửi niềm tin, vượt qua khó khăn, sẽ chia giá trị và cùng nhau hướng đến tương lai tốt đẹp hơn.

Chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN VĂN CỰ

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY



1. THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức : Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA
Tên viết tắt : BSI
Trụ sở : Tầng 4 - 5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3914 2929
Fax : (84-28) 3914 3435
Email : support@bsi.com.vn
Website : www.bsi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

SỨ MỆNH

- BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.
- BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.
- BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.

Tại BSI, chúng tôi nỗ lực giữ gìn các giá trị cốt lõi của Công ty và coi đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **MINH BẠCH:** BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch, trung thực.
- **SÁNG TẠO:** BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị cho khách hàng, đối tác và cổ đông.
- **TIN CẬY:** nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.
- **CHUYÊN NGHIỆP:** liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và quy trình thực hiện các giao dịch nhằm đem đến lợi ích cao nhất cho khách hàng.
- **CỔNG HIỂN:** Ở tất cả các cấp bậc, tập thể BSI đều cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, vượt qua sự mong đợi của đối tác và xây dựng quan hệ tốt đẹp với các bên có liên quan.
- **THÁI ĐỘ TÍCH CỰC:** Để thành công trên thị trường chứng khoán, kiên định với thái độ tích cực là một chìa khóa quan trọng. Từng thành viên của BSI luôn giữ suy nghĩ tích cực, cảm nhận tích cực và hành động tích cực để đạt mục tiêu và lợi ích tối đa cho khách hàng.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

Thế mạnh của BSI là sự kết hợp giữa **đội ngũ nhân sự chất lượng cao, lợi thế về công nghệ hiện đại, năng lực tài chính mạnh** và được định hướng bằng **chiến lược phát triển bền vững**.

BSI hội tụ đội ngũ nhân sự có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp:

Hệ thống nhân sự của BSI có chất lượng cao, bao gồm 33 cán bộ có trình độ đại học và sau đại học. Đội ngũ chuyên viên được đào tạo chuyên sâu về chứng khoán, tài chính và ngân hàng ở trong và ngoài nước; am tường trong lĩnh vực tài chính; nhiều năm kinh nghiệm làm việc cho các công ty tài chính, quỹ đầu tư và công ty chứng khoán; không ngừng cập nhật kỹ năng chuyên môn, năng lực nghiên cứu và được dẫn dắt bởi ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược.

Công nghệ hiện đại:

BSI có hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng đầy đủ và trụ sở được đặt tại trung tâm tài chính. BSI được đánh giá là một trong những công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất trong các công ty chứng khoán trong nước

Năng lực tài chính mạnh:

BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, có kế hoạch tăng vốn hàng năm để trở thành một trong những công ty hàng đầu về vốn và năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, BSI có một mạng lưới quan hệ rộng khắp, chặt chẽ với các quỹ đầu tư, các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước. Đây là cơ sở để BSI hoàn toàn có thể hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư về dịch vụ hỗ trợ vốn như giao dịch ký quỹ; ứng trước tiền bán; cầm cố chứng khoán; repo cổ phiếu, trái phiếu. Hơn nữa, được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức tài chính như: Ngân hàng Bản Việt; Ngân hàng Nam Á; Tập đoàn Đô Thành là nền tảng vững chắc cho sự thành công của các dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là trong trường hợp khách hàng có nhu cầu tái cấu trúc vốn và những giải pháp về vốn khác.

Chiến lược phát triển bền vững:

BSI tiếp tục kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra, minh bạch các quy trình thực hiện; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng.

Những thế mạnh trên chỉ là một vài trong nhiều yếu tố để tạo ra lợi thế về sự khác biệt của chất lượng cũng như giá trị dịch vụ mà BSI mang đến cho nhà đầu tư. Hơn thế nữa, sự kết hợp tương hỗ chặt chẽ lợi thế đó với những tôn chỉ kinh doanh:

- Con người là trung tâm, khuyến khích tư duy sáng tạo trong chuyên môn nghiệp vụ vì quyền lợi của khách hàng và sự phát triển của BSI.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích và quyền lợi của các bên liên quan.
- Không ngừng đổi mới và phát triển toàn diện.
- Quản trị rủi ro hiệu quả, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong quản trị điều hành.
- Luôn tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển cộng đồng.

Những điều này đã tạo nên sức mạnh cạnh tranh toàn diện của BSI cũng như phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của hệ thống. Từ đó tạo ra giá trị tối ưu cho nhà đầu tư đang sử dụng sản phẩm và dịch vụ của BSI. Đồng thời, tiếp tục thỏa mãn nhu cầu của nhà đầu tư trong hiện tại và tương lai, thích nghi với mọi giai đoạn phát triển của thị trường tài chính Việt Nam. **“Vững tin vào đầu tư”** là khẩu hiệu và cũng chính là sự cam kết về chất lượng sản phẩm - dịch vụ của BSI đối với khách hàng.

2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán. Hiện nay, BSI đang cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ trọn gói sau:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp

Mục tiêu của chúng tôi là luôn đồng hành với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự

3. CÁC DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Môi giới

- Môi giới chứng khoán niêm yết/OTC.
- Môi giới/đấu thầu trái phiếu niêm yết/chưa niêm yết.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tìm nguồn/thực hiện các giao dịch thỏa thuận.
- Dịch vụ báo giá cổ phiếu OTC.
- Quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu chưa niêm yết.

Lưu ký

- Quản lý tiền và chứng khoán.
- Lưu ký và chuyển khoản chứng khoán.
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.
- Phong tỏa và giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu.
- Rút chứng khoán.
- Chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.

Hỗ trợ vốn

- Giao dịch ký quỹ.
- Ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Cầm cố chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.
- Repo cổ phiếu.
- Repo trái phiếu chưa niêm yết.
- Thực hiện quyền, cổ tức và các thông tin có liên quan đến giao dịch ký quỹ.

Hỗ trợ giao dịch

- Dịch vụ đặt lệnh qua điện thoại (B-Mobile), trực tuyến (B-Pro, B-Web) nhanh chóng, tiện lợi, an toàn.
- Tra cứu số dư tài khoản trực tuyến, tra cứu thông tin quyền.
- Chuyển tiền, chứng khoán trực tuyến.
- Ứng trước trực tuyến.
- Đăng ký mua quyền trực tuyến.
- Thay đổi thông tin trực tuyến.
- Quản lý danh mục đầu tư hàng ngày.
- Tư vấn hỗ trợ khách hàng qua điện thoại.
- Thông báo kết quả khớp lệnh qua Email, SMS. Thông báo SMS về biến động số dư tiền, các thông tin về quyền.
- Cập nhật thông tin thị trường bằng bản tin hàng ngày và báo cáo phân tích của công ty.
- Sản phẩm tư vấn khuyến nghị nhà đầu tư.

IPO

- Đại lý đấu giá IPO.
- Tổ chức đấu giá tại công ty.
- Bảo lãnh phát hành.
- Dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần.
- Ủy thác đấu giá mua chứng khoán phát hành lần đầu.

Báo cáo phân tích thị trường chứng khoán

- Báo cáo phân tích định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng quý và báo cáo năm.
- Báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích vĩ mô và báo cáo tư vấn chiến lược đầu tư.

Dịch vụ khác

- Tổ chức các buổi hội thảo đầu tư, hội thảo chuyên đề.
- Tổ chức các chuyến tham quan tìm hiểu doanh nghiệp.



4. DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm về thị trường tài chính, luật, kế toán, kiểm toán, thẩm định giá cùng sự hiểu biết sâu sắc và hệ thống pháp luật Việt Nam. BSI luôn đưa ra các giải pháp tài chính tốt nhất cho những khách hàng được chúng tôi cung cấp các dịch vụ tư vấn. Bên cạnh đó, bằng các biên bản ghi nhớ về hợp tác chiến lược, chúng tôi đã hợp tác với các công ty kiểm toán, công ty thẩm định giá, công ty tư vấn luật nhằm hỗ trợ, đáp ứng kịp thời và thỏa mãn các yêu cầu phát sinh đa dạng của khách hàng.

Các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp:

- **Tư vấn niêm yết chứng khoán:** BSI cung cấp dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán, nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện nhu cầu niêm yết lần đầu hoặc niêm yết bổ sung chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung.
- **Tư vấn cổ phần hóa:** BSI đồng hành cùng khách hàng để hoàn thành lộ trình cổ phần hóa theo quy định hiện hành với những nội dung tư vấn chủ yếu sau: Xác định giá trị doanh nghiệp; Lập phương án cổ phần hóa; Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng; Tổ chức đại hội cổ đông lần đầu; Thành lập công ty cổ phần và những nội dung liên quan khác.
- **Tư vấn phát hành chứng khoán:** BSI tư vấn các giải pháp và hình thức phát hành chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) bao gồm: phát hành riêng lẻ, phát hành lần đầu ra công chúng (IPO), phát hành thêm nhằm đáp ứng các nhu cầu về vốn của khách hàng.
- **Bảo lãnh phát hành chứng khoán:** BSI có năng lực và được phép thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán nhằm đảm bảo sự thành công của đợt phát hành, đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp.
- **Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp:** BSI thực hiện việc đánh giá toàn bộ hoạt động tài chính và xây dựng các biện pháp tối ưu để lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- **Tư vấn mua bán và sáp nhập:** BSI đóng vai trò là tổ chức tài chính trung gian và là cầu nối giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện các giao dịch mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. BSI tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn thời điểm thực hiện việc mua/bán doanh nghiệp và là nhà tư vấn cho bên bán hoặc bên mua để thực hiện chiến lược của mình.
- **Tư vấn chuyển đổi hình thức hoạt động doanh nghiệp:** BSI tư vấn cho các khách hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài tiến hành các thủ tục cần thiết để chuyển đổi thành công ty cổ phần, nhằm giúp doanh nghiệp hoạch định được mô hình phát triển và lộ trình phát triển hoạt động kinh doanh trong tương lai.
- **Tư vấn thoái vốn nhà nước:** BSI thực hiện nghiệp vụ tư vấn cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thoái vốn đầu tư tại các công ty ngoài ngành theo chủ trương của chính phủ theo đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

5. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

• 2007

Ngày 06/12/2007: BSI được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

• 2008

- Ngày 25/7/2008: Vốn điều lệ của BSI tăng từ 134 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

- Ngày 28/8/2008: BSI tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

• 2009

- Ngày 01/7/2009: BSI chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading).

- Ngày 08/10/2009: BSI thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, HN.

- Ngày 20/11/2009: BSI chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp.

• 2010

Ngày 14/10/2010: BSI thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

• 2011

- Tháng 1/2011: BSI vinh dự đón nhận giải thưởng Cúp vàng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010".

- Ngày 31/8/2011: Vốn điều lệ của BSI tăng từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.

• 2012

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến hiện đại B-Trade, triển khai nghiệp vụ Margin.

5. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

2013

- Thị phần môi giới chứng khoán niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX của BSI chiếm gần 1%. Thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới Trái phiếu Chính phủ nhiều nhất năm 2013.

- Tháng 3/2013: Thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tháng 10/2013: BSI chính thức chuyển Trụ sở hoạt động về 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay trung tâm tài chính của thành phố.

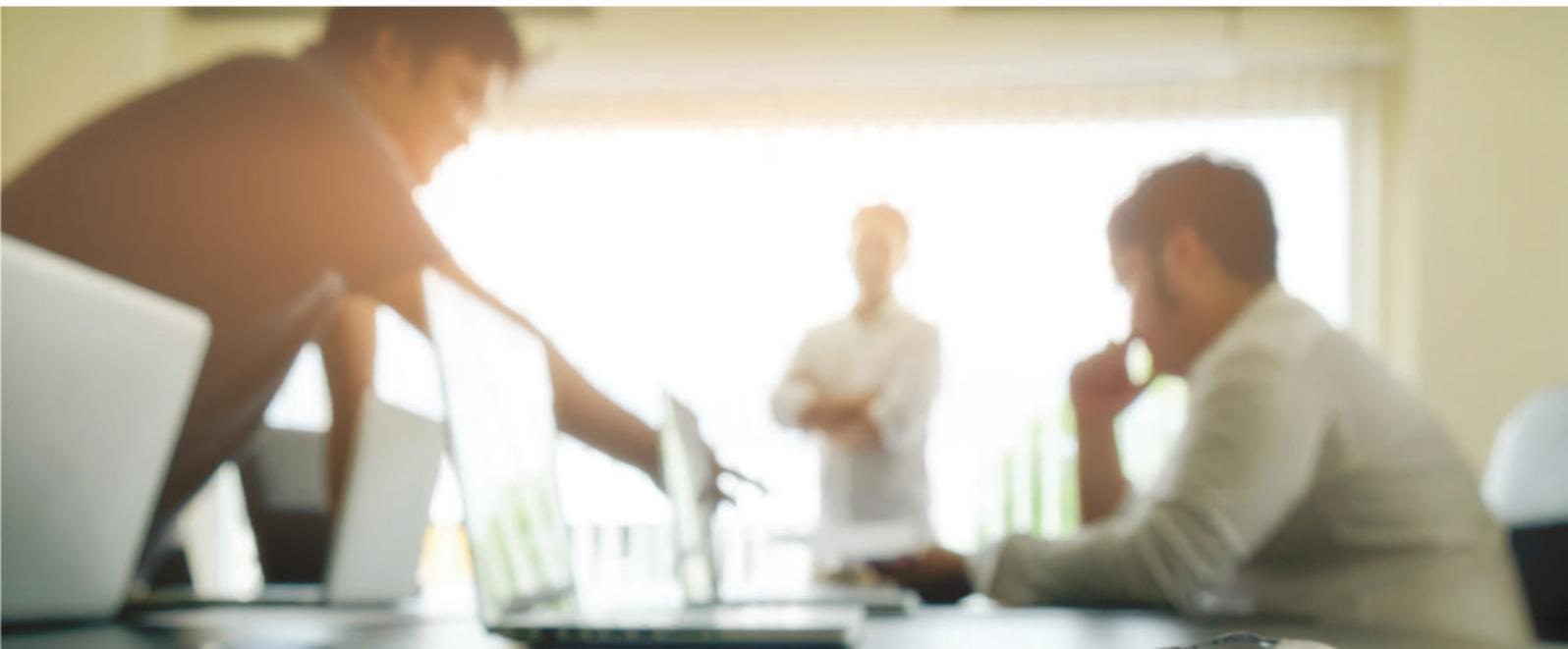
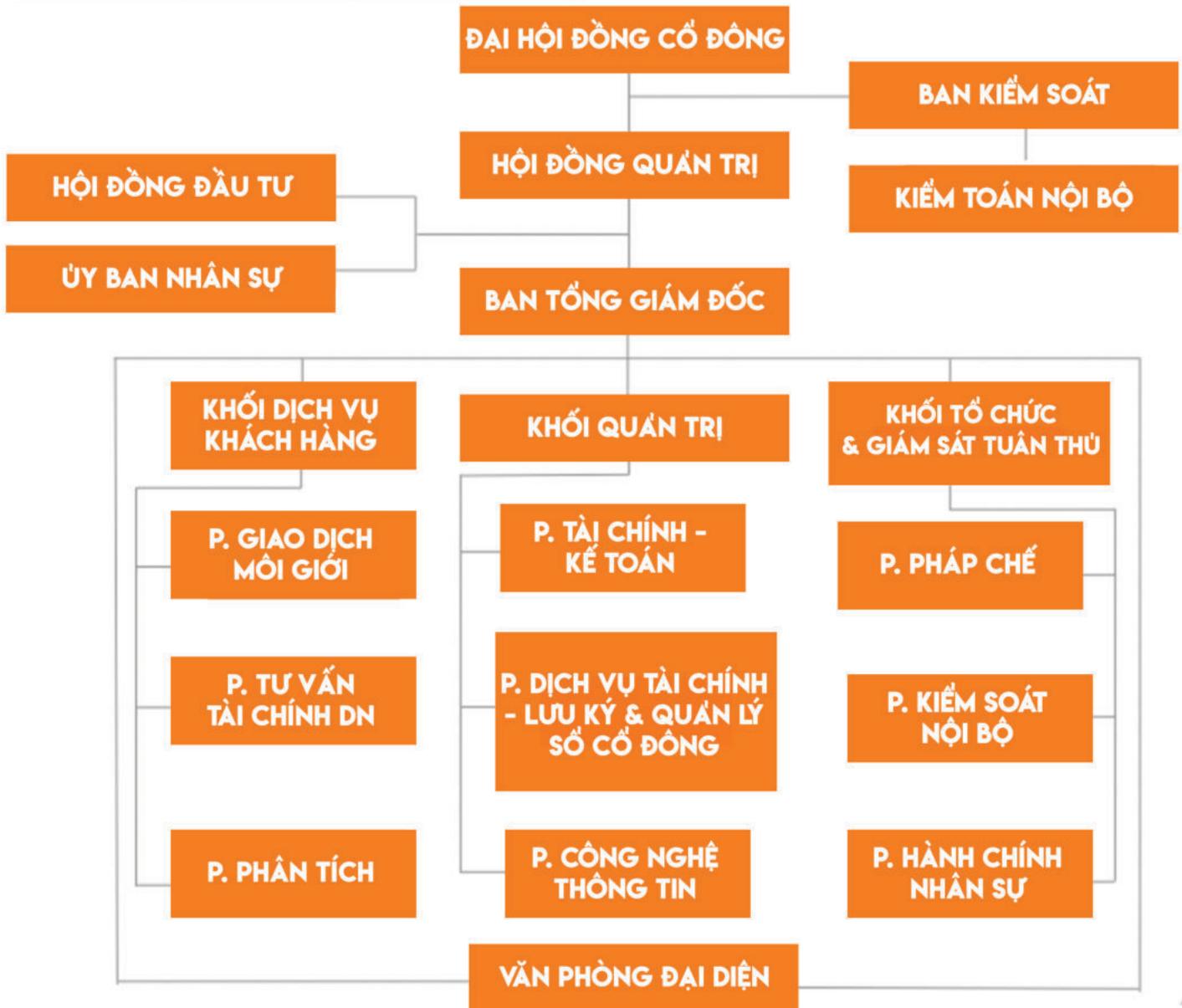
2014

Tháng 01/2014: BSI chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán mới T-Solution (Hàn Quốc) bao gồm B-Pro, B-Web và B-Mobile để hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán. Đây là một trong những phần mềm mạnh nhất trên thị trường trong nước và đang được ứng dụng rộng rãi tại một số nước trong khu vực. Tại Việt Nam, T-Solution đang được những công ty chứng khoán lớn như VCSC, SHS, PSI, Woori CVB, KIS sử dụng.

2018

Ngày 11/06/2018: BSI chính thức triển khai ứng dụng BSI Trade và Nhà đầu tư được giao dịch trên nền tảng công nghệ mới. Nhà đầu tư hoàn toàn yên tâm với Web Trading (BMT) và Mobi Trading (MBT) về bảo mật, tốc độ xử lý lệnh cũng như những tính năng vượt trội khác được tích hợp ngay trên giao diện thân thiện, dễ sử dụng và hiệu quả. Bên cạnh đó, với Bảng giá đặt lệnh thông minh theo thời gian thực, BSI đã đem đến cho nhà đầu tư trải nghiệm tuyệt vời khi có thể đặt lệnh mua - bán và cập nhật thông tin thị trường trực tiếp ngay trên bảng giá điện tử.

6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



7. BAN LÃNH ĐẠO



CHỦ TỊCH

Ông **NGUYỄN VĂN CỤ**

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài năng – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



PHÓ CHỦ TỊCH

Bà **NGUYỄN THỊ MINH QUANG**

Bà là thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



THÀNH VIÊN

Ông **HUỖNH VĂN TỐT**

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính – ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

7. BAN LÃNH ĐẠO



TRƯỞNG BAN

Ông

NGUYỄN VĂN THIÊN

THÀNH VIÊN

Ông

TRẦN THANH KHIẾT

THÀNH VIÊN

Bà

NGUYỄN THỊ HẢI

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát triển và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cũng như thực hiện đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra hàng năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.

BAN KIỂM SOÁT

7. BAN LÃNH ĐẠO



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông **HUỲNH VĂN TỐT**

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính – ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà **NGUYỄN THỊ MINH QUANG**

Tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ năm 2011.



Bà **TRẦN THỊ BÔNG**

Là nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007, Bà có 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.



8. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BSI hướng đến sự phát triển bền vững, an toàn, minh bạch và hiệu quả.

Mục tiêu của BSI là luôn đồng hành cùng với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng.

BSI tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi quan trọng nhất là **CON NGƯỜI** và **CÔNG NGHỆ**.



VỀ CON NGƯỜI

BSI tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân lực đi đôi với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực, BSI đề cao đạo đức nghề nghiệp nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.



VỀ CÔNG NGHỆ

BSI tiếp tục kiên định với định hướng không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, đem đến cho khách hàng những trải nghiệm mới với sự hài lòng cao.



8. CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp. Với các công ty chứng khoán thì ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô nhanh hơn và tác động mạnh hơn so với phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề khác bởi thị trường chứng khoán được ví như là “Phong vũ biểu” của nền kinh tế. Đồng thời, thị trường chứng khoán ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ tới hoạt động và hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán. Có thể nói, hầu hết các hoạt động và các khoản doanh thu của một công ty chứng khoán đều gắn liền với thị trường chứng khoán.

Là một công ty chứng khoán nên hiệu quả hoạt động của BSI chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán. Do vậy, nhằm hạn chế những tác động bất lợi từ những chuyển động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán tới hiệu quả hoạt động của công ty, BSI luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá các tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh hoạt động phù hợp.

8. CÁC RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

BSI hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại BSI là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty giúp công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Là rủi ro liên quan tới công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chiến lược và định hướng hoạt động của BSI. Rủi ro chiến lược không những ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà có thể ảnh hưởng tới sự phát triển của BSI. Vì vậy, BSI luôn theo dõi các biến động của thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh quy mô của công ty phù hợp với quy mô của thị trường. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới, nhân sự, ... phải phù hợp với tình hình thị trường đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thị trường cả lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của BSI do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của cán bộ nhân viên hay đơn giản là lỗi con người do nhầm lẫn vô tình. Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra cho công ty, BSI đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của BSI;
- Ứng dụng tối đa các công nghệ mới để xây dựng, duy trì Hệ thống giao dịch tiện ích, hiệu quả cho khách hàng;
- Hệ thống quản trị nội bộ hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến quản trị hiệu quả mọi rủi ro hoạt động và tuân thủ;
- Xây dựng các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc đầy đủ, rõ ràng và phổ biến đầy đủ cho cán bộ nhân viên nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.

8. CÁC RỦI RO

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản của thị trường chứng khoán.

RỦI RO LÃI SUẤT

Khi lãi suất thị trường thay đổi doanh thu của BSI sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp: Lãi suất của các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ... Và lãi suất thay đổi làm ảnh hưởng đến dòng tiền trên thị trường và ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu môi giới chứng khoán của BSI. Để giảm thiểu các thiệt hại có thể phát sinh do rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, BSI luôn chủ động trong việc lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể cạnh tranh trên thị trường mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng.

Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, BSI luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện BSI đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Hiện nay, BSI đang có hơn 37 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để BSI được thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của công ty trên thị trường.

RỦI RO CẠNH TRANH VÀ TÁI CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tính đến cuối năm 2017, số lượng các công ty chứng khoán đang hoạt động trên TTCK là 79 công ty. Các công ty chứng khoán cạnh tranh khốc liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự. Các Công ty chứng khoán đã tập trung đến việc cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích như các loại đòn bẩy tài chính cho khách hàng, cũng như đổi mới về công nghệ.

Vì vậy, BSI đã và đang không ngừng đầu tư tập trung, khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, BSI đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019



1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

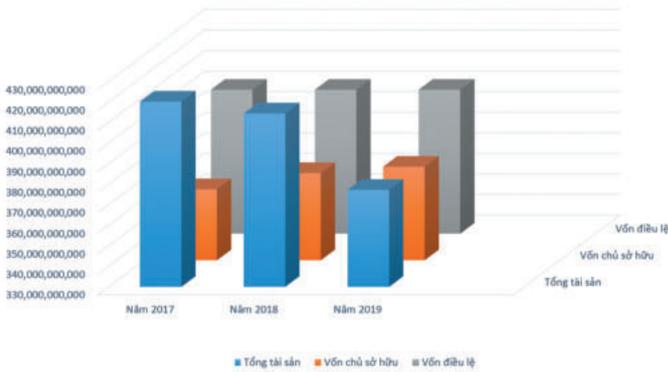
1.1 Kết quả đạt được

Phiên giao dịch cuối cùng của năm 2019 khép lại với chỉ số VNI index dừng trong sắc đỏ tại 960,99 điểm - tăng 7,7% so với đầu năm. Mức tăng này cho thấy thị trường đã hồi phục sau mức giảm 13% của năm 2018. Tuy nhiên thanh khoản bình quân trên thị trường sụt giảm mạnh so với năm 2018 về cả khối lượng lẫn giá trị. Trên HoSE, khối lượng giao dịch bình quân phiên trong năm đạt 189,2 triệu chứng khoán, tương ứng với giá trị 3.765 tỉ đồng/ngày, so với cùng kỳ 2018 đã sụt giảm lần lượt 17,8% về khối lượng và 26,8% về giá trị giao dịch.

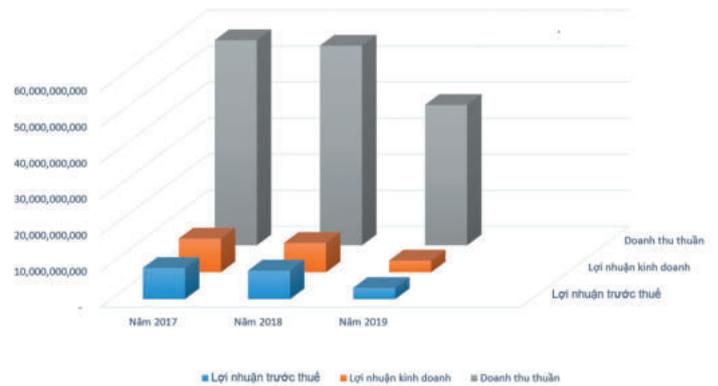
Những biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 có tác động không nhỏ đến hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó có BSI. Tuy nhiên, nhờ tập trung và với sự nỗ lực của mình thì BSI cũng đạt được một số thành tựu nhất định.

Cụ thể, BSI xin tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính trong năm 2019 như sau:

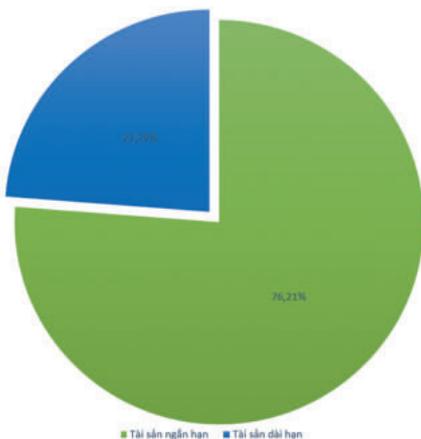
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



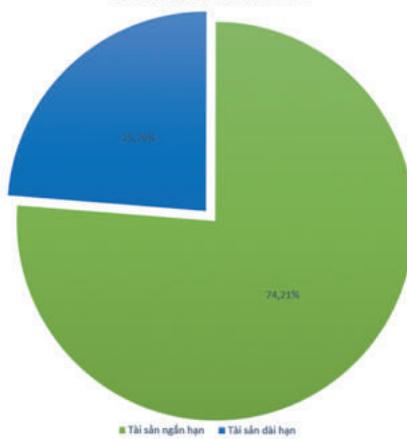
KẾT QUẢ KINH DOANH



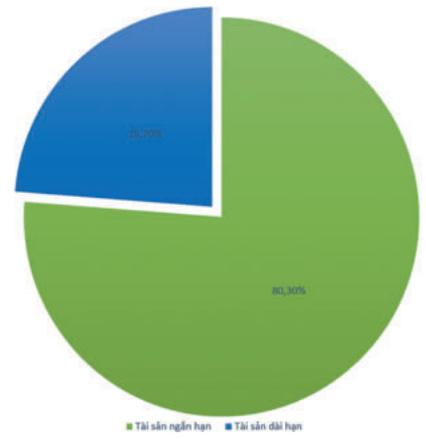
Cơ cấu tài sản năm 2017



Cơ cấu tài sản năm 2018

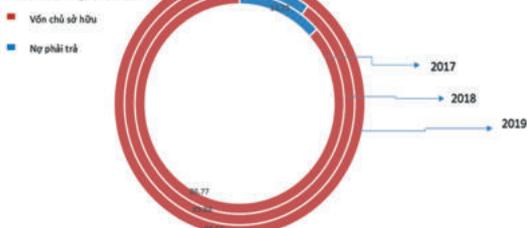


Cơ cấu tài sản năm 2019

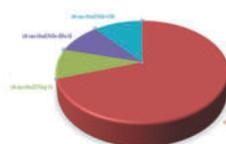


CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN

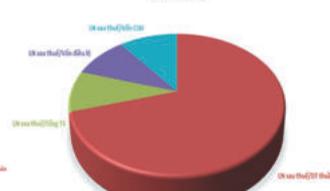
Cơ cấu nguồn vốn



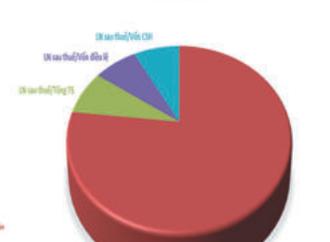
NĂM 2017



NĂM 2018



NĂM 2019



1.2 Thành tựu khác:

Phân tích đầu tư

Các sản phẩm phân tích có giá trị tham vấn cao và nhận được sự phản hồi tích cực từ Khách hàng

Dịch vụ thẩm định đa dạng

Thẩm định doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn; Định giá cổ phiếu; Định giá thương hiệu; Định giá lợi thế thương mại...

Tư vấn tài chính doanh nghiệp hiệu quả

Ký kết và triển khai thực hiện thành công các Hợp đồng tư vấn có giá trị cao, rút ngắn thời gian thực hiện

Tư vấn tài chính Dự án chuyên nghiệp

Lập kế hoạch tài chính; Lập dự báo dòng tiền chi tiết cho mục đích định giá doanh nghiệp....

Ứng dụng phần mềm giao dịch BSI-Trade

Giúp xử lý thông tin nhanh nhất và thuận tiện cho khách hàng

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

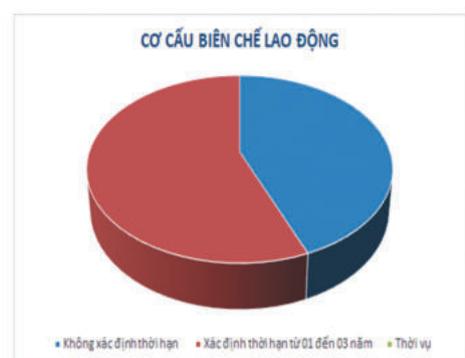
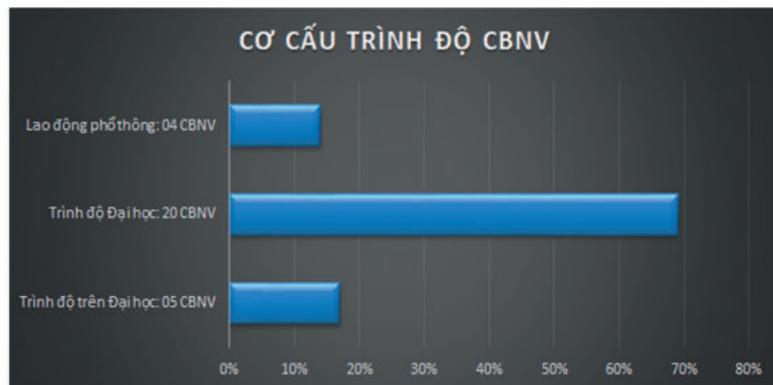
2.1 Ổn định cơ cấu nhân sự Ban lãnh đạo

Trong năm 2019, BSI không có sự biến động nhân sự Ban lãnh đạo, điều này phần nào phản ánh tính ổn định trong quản trị nội bộ của doanh nghiệp, nhân sự được chọn lựa kỹ lưỡng, phải là những người có đủ đức, đủ tài, đủ bản lĩnh để lèo lái BSI ngày một phát triển. Vì vậy, trong năm 2019, BSI đã tập trung được tối đa nguồn lực cho hoạt động kinh doanh. Nói vậy không đồng nghĩa với việc BSI không chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, ngược lại, BSI luôn đề cao và xem nhân tố con người là tài sản quý giá, đóng góp quan trọng cho sự thành công của BSI ngày hôm nay.

2.2 Cơ cấu nhân sự:

BSI xác định vai trò cốt lõi của đội ngũ nhân sự trong hoạt động, chính vì vậy, trong quá trình hình thành và phát triển BSI không ngừng xây dựng các chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực minh bạch, công bằng, khách quan và cạnh tranh để thu hút và giữ gìn nhân tài đáp ứng yêu cầu khẩn trương nguồn nhân lực trong ngành chứng khoán nói riêng và tài chính nói chung.

BSI luôn hướng tới việc xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả và thân thiện để tất cả các thành viên có điều kiện phát huy năng lực và kiến thức cũng như sở trường của mình, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy tinh thần học hỏi, chia sẻ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong công ty.





2.3 Chính sách đãi ngộ

Ngoài chính sách lương cơ bản, lương kinh doanh, lương tháng 13 và các khoản thưởng hoàn thành công việc theo hoạt động của cá nhân và đơn vị. Tất cả nhân viên chính thức của BSI đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh thực hiện các chính sách, phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, BSI thể hiện sự quan tâm đến đời sống của CBNV thông qua các khoản phúc lợi khác như: khám sức khỏe định kỳ, tiền thưởng nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm (30/4, 1/5, 2/9, Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết Dương lịch, tết Nguyên đán) bằng tiền hoặc hiện vật cụ thể. Ngoài ra, BSI còn hỗ trợ CBNV về các chế độ như trợ cấp bữa ăn trưa, cấp phát trang phục làm việc, tham quan du lịch nghỉ mát, tổ chức sinh nhật và các buổi giao lưu tập thể, tổ chức thăm hỏi các sự kiện liên quan đến cá nhân, gia đình CBNV cùng một số ưu đãi khác.

BSI quan tâm sâu sắc đến chính sách đào tạo vì đây là yếu tố rất quan trọng để phát triển và thu hút nhân tài cũng như khuyến khích người lao động đồng hành lâu dài cùng sự phát triển của công ty. BSI không ngừng cập nhật các kiến thức liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và đào tạo chuyên sâu các nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC**

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

1. Môi trường kinh tế thế giới:

Kinh tế toàn cầu tiếp tục trầm lắng với tăng trưởng kinh tế và lưu lượng thương mại thấp hơn dự kiến. Số liệu tổng hợp được khẳng định hoạt động ở các thị trường trên thế giới vẫn chưa sôi động trong quý ba năm 2019, lòng tin của doanh nghiệp và chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) trong các ngành chế tạo chế biến trên toàn cầu liên tục suy giảm. Trong năm 2019, tăng trưởng GDP chỉ đạt 2,6% cho cả thế giới và 4,0% cho các quốc gia thị trường mới nổi, giảm lần lượt từ mức 3,0% và 4,3% trong năm 2018 (biểu đồ 1). Các hoạt động kinh tế trầm lắng lại đi kèm với suy giảm liên tục về lưu lượng thương mại thế giới, mặc dù hầu hết các ngân hàng trung ương đều đã áp dụng chính sách tiền tệ tạo thuận lợi. Những chính sách đó chưa đủ để bù đắp cho tình trạng bất định ngày càng tăng do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và các đối tác lớn của họ, bên cạnh những rủi ro liên quan đến quá trình Brexit.

Biểu đồ 1 Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và lưu lượng thương mại thấp hơn dự kiến

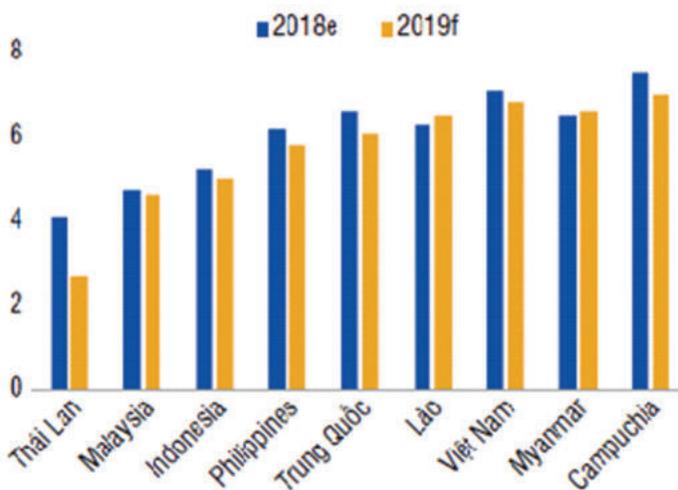


Nguồn: World Bank (12/2019) & IMF, cập nhật bởi BSI

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

Tăng trưởng ở khu vực Đông Á vẫn theo hướng suy giảm chung trên toàn cầu vì hầu hết các nền kinh tế trong khu vực đều phụ thuộc nhiều vào thị trường toàn cầu. Tăng trưởng ở các nền kinh tế đang phát triển ở Đông Á và Thái Bình Dương giảm còn 6,0% (so cùng kỳ) trong nửa đầu năm 2019 so với 6,5% nửa đầu năm 2018 (biểu đồ 2). Sức cầu bên ngoài yếu đi kết hợp với bất định về chính sách thương mại trên toàn cầu tạo sức ép lên các hoạt động kinh tế trong khu vực, thể hiện qua xuất khẩu suy giảm, lòng tin của doanh nghiệp giảm và đầu tư yếu đi. Tại Trung Quốc, căng thẳng thương mại gia tăng với Mỹ cũng góp phần khiến cho kinh tế dần suy giảm. Tăng trưởng ở các nền kinh tế lớn khác trong khu vực cũng chững lại và sự phục hồi ở các ngành chế tạo chế biến diễn ra vào đầu năm rõ ràng không thể kéo dài. Mặc dù giảm tốc, nhưng khu vực vẫn là động lực chính cho các hoạt động kinh tế toàn cầu do vẫn duy trì được các yếu tố căn bản vững mạnh và đóng góp đến một phần ba tăng trưởng của toàn cầu.

Tăng trưởng GDP tại Đông Á và Thái Bình Dương



Biểu đồ 2 Tăng trưởng ở khu vực Đông Á vẫn theo hướng suy giảm chung trên toàn cầu

Nguồn: World Bank (12/2019) & IMF
cập nhật bởi BSI

Rủi ro đã tăng cao trong thời gian qua, do căng thẳng thương mại tiếp tục leo thang trong điều kiện bất định gia tăng trên toàn cầu, nhưng vẫn nghiêng rõ theo hướng đi xuống. Quan điểm về triển vọng kinh tế toàn cầu hiện có nhiều bất định. Mặc dù khó có thể xảy ra trong ngắn hạn, nhưng suy giảm mạnh hơn so với dự kiến đồng thời diễn ra ở cả Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Mỹ có thể gây đảo chiều trong các hoạt động kinh tế toàn cầu. Căng thẳng thương mại tiếp tục leo thang có thể gây gián đoạn cho nhiều các hoạt động kinh tế toàn cầu trong bối cảnh các chuỗi giá trị đang có sự liên kết mạnh và phức tạp. Rủi ro diễn ra căng thẳng tài chính nghiêm trọng trên diện rộng, gây ảnh hưởng bất lợi đến các quốc gia đang phát triển và mới nổi (EMDE) vẫn lớn khi mức nợ ở nhiều quốc gia vẫn cao, có thể tác động tiêu cực đến lòng tin và đầu tư cả ở các nước bị ảnh hưởng trực tiếp và trên toàn cầu.

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

2. Diễn biến của kinh tế Việt Nam năm 2019:

Năm 2019 có thể được coi là một năm tương đối tốt đẹp cho nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh bất định tăng lên trên toàn cầu, Việt Nam chắc chắn vẫn nằm trong số những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất trên thế giới với tốc độ tăng trưởng GDP ước đạt trên dưới 6,8%, cao gần gấp ba lần so với tốc độ bình quân của thế giới (2,6%), cao hơn 1,2 điểm phần trăm so với bình quân ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương theo ước tính mới nhất tại báo cáo Viễn cảnh kinh tế toàn cầu của Ngân hàng Thế giới. Kết quả tăng trưởng vững vàng nêu trên có được là nhờ sự đóng góp của hai yếu tố chính: tăng trưởng xuất khẩu và sức cầu trong nước của các doanh nghiệp và hộ gia đình.

2.1 Mặc dù môi trường bên ngoài không thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng:

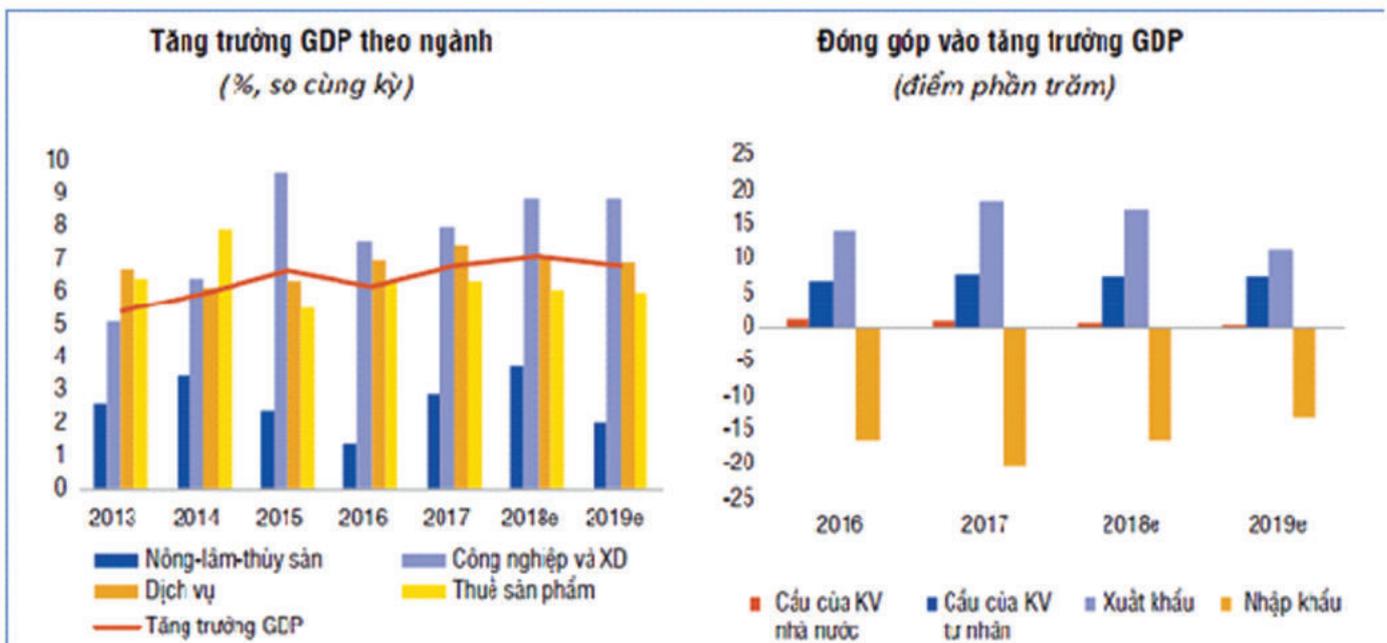
Cho dù môi trường toàn cầu có nhiều thách thức, nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện sự vững vàng, nhờ vào tiêu dùng tư nhân và xuất khẩu ở các ngành chế tạo và chế biến được duy trì tốt. Tăng trưởng sau khi chững lại vào quý hai đã xoay chiều đi lên đạt khoảng 7,3% vào quý 3, nâng tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước lên gần 7% trong ba quý đầu năm 2019. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2019 ước đạt khoảng 6,8%, thấp hơn một chút so với 2018, tương đương với kết quả của năm 2017. Tốc độ tăng trưởng như vậy thuộc dạng cao nhất trên thế giới và rơi vào nhóm hai quốc gia đứng đầu ở khu vực Đông Á, sau Cam-pu-chia, nhưng cao hơn Trung Quốc.

Tốc độ tăng trưởng GDP vững vàng có được nhờ vào kết quả tốt ở các ngành công nghiệp (tăng 9,6% trong chín tháng đầu năm 2019), ngang bằng với xu hướng của năm 2015. Tăng trưởng cao ở các ngành chế tạo và chế biến, giúp bù đắp cho ngành xây dựng có tốc độ tăng trưởng chững lại do cắt giảm trong chương trình đầu tư của Chính phủ (biểu đồ 3). Trong khi đó, ngành nông, lâm, thủy sản gặp bất lợi về khí hậu, giá cả thế giới đi xuống, dịch tả lợn châu Phi bùng phát, nên chỉ tăng được 2% trong chín tháng đầu năm 2019, trong đó tăng trưởng ngành nông nghiệp nói riêng sụt giảm tương đối mạnh (chỉ đạt 0,7% so với 2,9% của năm trước). Ngành dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khoảng 7,0%, nhờ nhu cầu trong nước tăng tương đối mạnh và quá trình đô thị hóa, cũng như kết quả tốt ở các ngành dịch vụ hiện đại như viễn thông, tài chính và giao thông vận tải.

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

Nhìn từ phía cầu, tốc độ tăng trưởng GDP được trợ lực bởi tăng trưởng tín dụng và nhu cầu trong nước của khu vực tư nhân. Khu vực kinh tế đối ngoại vẫn là động lực truyền thống trong thập kỷ qua và vai trò đó lại được khẳng định trong năm 2019 với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tương đối cao, đóng góp đến gần 12 điểm phần trăm cho tăng trưởng GDP. Đóng góp của tiêu dùng tư nhân là xu hướng mới xuất hiện trong vài năm qua do tầng lớp trung lưu trở dậy chiếm xấp xỉ 10% dân số (biểu đồ 3). Theo ước tính, mỗi năm có thêm khoảng một triệu người dân gia nhập tầng lớp trung lưu, đẩy mạnh nhu cầu về hàng tiêu dùng và nhà ở. Nhờ thu nhập thực đang tăng lên và lạm phát ở mức thấp, doanh số bán lẻ tăng vững ở mức 11,8% theo giá hiện hành (9,4% theo giá so sánh) trong mười tháng đầu năm 2019. Sức cầu như vậy một phần được đáp ứng bởi hàng tiêu dùng nhập khẩu tăng lên (tăng bình quân 15% kể từ năm 2015). Đầu tư của khu vực tư nhân cũng tăng khoảng gần 17% trong ba quý đầu năm 2019 và cũng đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao.

Biểu đồ 3 Tăng trưởng GDP theo ngành và đóng góp và tăng trưởng GDP



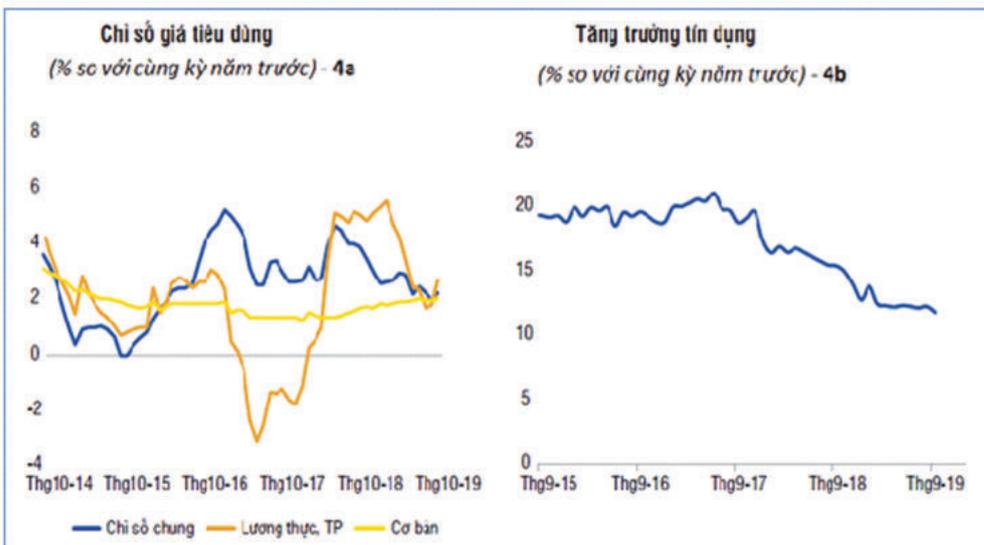
Nguồn: Tổng cục Thống kê và ước tính của World Bank, cập nhật bởi BSI

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

2.2 Áp lực lạm phát ở mức thấp và chính sách tiền tệ được nới nhẹ:

Chỉ số giá tiêu dùng được duy trì ở mức vừa phải trong cả năm 2019. Chỉ số giá tiêu dùng chung ước tăng 2,2% trong tháng 10/2019 (so cùng kỳ năm trước), giảm từ mức 3% vào tháng 12/2018 (biểu đồ 4a). Dịch tả lợn bùng phát và điều kiện thời tiết không thuận lợi chưa làm cho giá cả lương thực thực phẩm tăng quá cao, chỉ tăng 2,7% vào tháng 10/2018, so với 5,1% vào tháng 12/2018. Giá nhiên liệu dịu lại giúp chi phí vận tải được duy trì ổn định như năm trước. Yếu tố chính đóng góp vào tỷ lệ lạm phát năm 2019 (đóng góp đến khoảng một phần ba) do điều chỉnh giá do Nhà nước quản lý ở các lĩnh vực y tế và giáo dục, trong kế hoạch tính đúng tính đủ chi phí theo lộ trình của Chính phủ.

Biểu đồ 4 Sức cầu trong nước vẫn đứng vững nhờ tiêu dùng và đầu tư



Nguồn: Tổng cục Thống kê & SBV cập nhật bởi BSI

Chính sách tiền tệ tiếp tục phải cân đối giữa hai mục tiêu tăng trưởng và ổn định. Tăng trưởng tín dụng ước đạt khoảng 12,5% (so cùng kỳ năm trước) vào tháng 9, thấp hơn so với chỉ tiêu 14% cho cả năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) (biểu đồ 4b). Trong tháng 9/2019, do áp lực lạm phát còn thấp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nới nhẹ chính sách tiền tệ bằng cách cắt giảm lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn ở mức 25 điểm cơ bản, xuống lần lượt còn 4,0% và 6,0% - là đợt điều chỉnh đầu tiên kể từ tháng 7/2017. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16/09/2019, nhằm ứng phó với suy giảm tiếp diễn ở các thị trường toàn cầu, sau động thái tương tự của nhiều ngân hàng trung ương khác trên thế giới và trong khu vực. Lãi suất chính sách được cắt giảm dự kiến sẽ nới lỏng thanh khoản ở các ngân hàng, qua đó tạo điều kiện tăng tín dụng cho nền kinh tế.

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

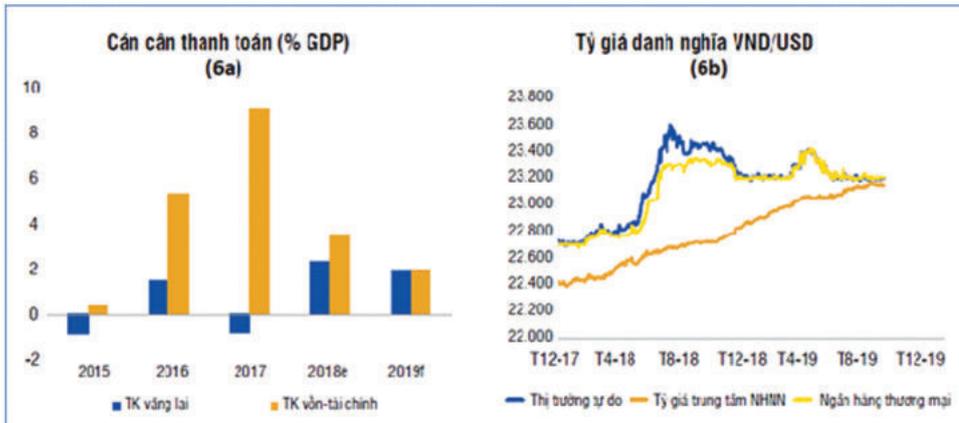
NHNN tiếp tục theo đuổi chính sách nhằm tiếp tục giảm tình trạng đô-la hóa trong khu vực tài chính. Theo số liệu của NHNN, tỷ lệ tiền gửi bằng ngoại tệ trên tổng tiền gửi của hệ thống ngân hàng giảm từ 10,8% vào tháng 12/2015 xuống khoảng 7,7% trong tháng 6/2019. Đồng thời, tỷ trọng cho vay bằng ngoại tệ cũng giảm từ 9,1% xuống 6,5%. Ngoài duy trì chính sách lãi suất tiền gửi USD bằng không (áp dụng từ năm 2015), NHNN còn ban hành Thông tư số 42/2018/TT-NHNN, cấm cho vay ngắn hạn bằng ngoại tệ từ đầu năm 2019 và cấm cho vay trung dài hạn bằng ngoại tệ từ tháng 10/2019. Hiện nay, các đơn vị nhập khẩu có nhu cầu phải mua ngoại tệ. Các biện pháp trên phù hợp với mục tiêu loại bỏ hoàn toàn hoạt động cho vay ngoại tệ, giảm tỷ lệ tiền gửi bằng ngoại tệ trên tổng tiền gửi xuống dưới 5% vào năm 2030, như đã nêu trong Chiến lược phát triển ngành ngân hàng được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 986 năm 2018.

Ổn định trong khu vực ngân hàng tiếp tục được cải thiện, phản ánh một số tiến triển về giải quyết nợ xấu và lợi nhuận cao hơn ở khu vực ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo hiện nằm dưới 2% vào cuối quý ba (và dưới 5% nếu tính cả ở tại Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng (VAMC). Nghị quyết số 42 được triển khai giúp các tổ chức tín dụng và VAMC đẩy mạnh xử lý nợ xấu. Theo số liệu thống kê của NHNN, trong hai năm (từ tháng 8/2017 - tháng 8/2019), mỗi tháng có 9,6 ngàn tỷ VND nợ xấu được xử lý, cao hơn 4,7 ngàn tỷ VND so với bình quân hàng tháng thời kỳ trước khi có Nghị quyết số 42. Không chỉ tình hình nợ xấu được cải thiện theo báo cáo, tình hình nợ xấu ngầm ẩn của các DN và nợ ngoại bảng cũng có tiến triển khi tỷ trọng nợ đó trong danh mục của các ngân hàng giảm từ 7,6% cuối năm 2016 xuống còn 3,9% cuối quý 1/2019. Các biện pháp chủ động, như thu hồi và bán tài sản thế chấp (nhà đất...), tái cơ cấu nợ nung theo biến động chu kỳ, bán nợ xấu, đã góp phần đem lại kết quả tích cực trên.

2.3 Quá trình củng cố tài khóa vẫn đang tiếp diễn:

Chính phủ tiếp tục củng cố tài khóa với mục tiêu tiếp tục giảm nợ công. Nợ công dự kiến còn 56% cuối năm 2019, giảm gần 8 điểm phần trăm so với đỉnh theo báo cáo của năm 2016. Với chính sách tài khóa ứng phó với biến động chu kỳ như vậy, các cấp có thẩm quyền không chỉ đưa ra tín hiệu tích cực và mạnh mẽ cho thị trường về cam kết duy trì nợ và kinh tế vĩ mô bền vững, mà còn tạo thêm dư địa tài khóa.

Biểu đồ 6 Thặng dư thương mại và dòng vốn FDI đổ vào mạnh mẽ

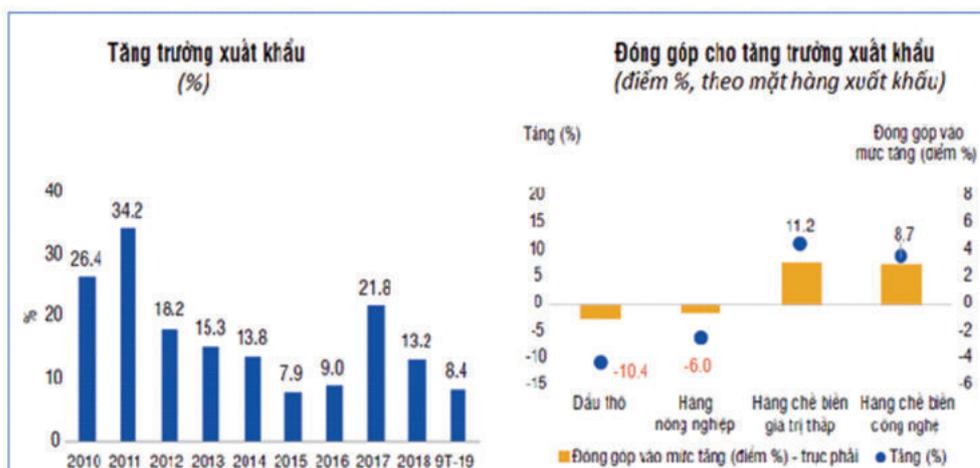


Nguồn: SBV, cập nhật bởi BSI

NHNN tiếp tục thực hiện quản lý tỷ giá theo cơ chế thị trường - coi đó là công cụ chính để hấp thụ tác động của những biến động bên ngoài đối với nền kinh tế trong nước. Tuy vẫn duy trì cơ chế neo tỷ giá linh hoạt, NHNN đã và đang xác định tỷ giá tham chiếu hàng ngày cho phù hợp với thị trường thay vì phá giá một lần sau một khoảng thời gian như cách làm trước đây. Mặc dù đồng nội tệ mất giá nhẹ so với đồng đô-la Mỹ (danh nghĩa) trong 12 tháng qua, nhưng tỷ giá thực hiệu lực (REER) đã tăng khoảng 2,8% kể từ tháng 1/2019 và 4% kể từ tháng 1/2015. Đồng nội tệ tăng giá thực là do thị trường phản ứng với thặng dư tài khoản vãng lai của Việt Nam nhưng cũng tạo ra tác động bất lợi về năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam về lâu dài.

Cho dù Việt Nam tiếp tục đạt kết quả xuất khẩu ngoạn mục, nhưng không tránh khỏi tác động do sức cầu bên ngoài yếu đi và môi trường bất định trên toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ước tăng 8,4% trong 9 tháng đầu năm 2019 so với mức 15,8% cùng kỳ năm trước. Tốc độ chững lại phần nào là do tác động của giá dầu giảm trên toàn cầu khiến cho kim ngạch xuất khẩu dầu thô chín tháng đầu năm 2019 giảm 10% so với cùng kỳ (biểu đồ 7). Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản cũng giảm khoảng 6% trong đó xuất khẩu cà phê và gạo lần lượt giảm ở mức 21% và 10%.

Biểu đồ 7 Tăng trưởng xuất khẩu

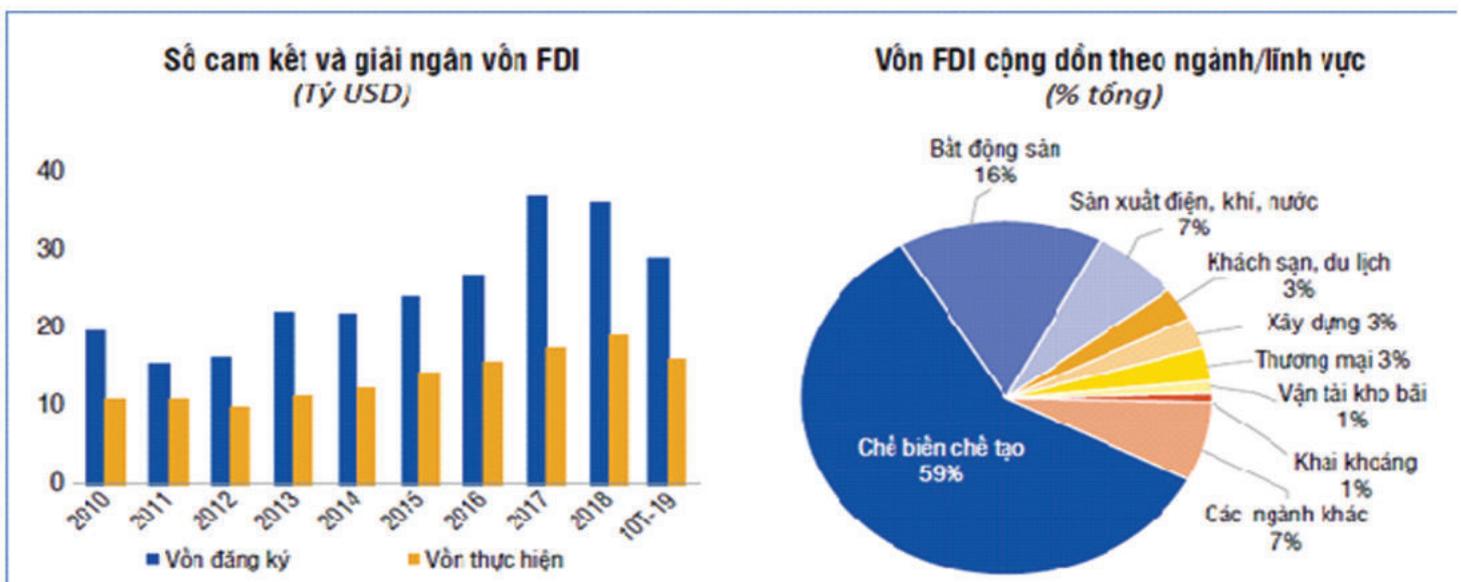


Nguồn: Hải Quan Việt Nam, cập nhật bởi BSI

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn là nguồn vốn quan trọng nhất của nước ngoài đổ vào nền kinh tế Việt Nam, ước lên đến khoảng 29 tỷ USD (tổng số vốn đăng ký) trong mười tháng đầu năm 2019. Con số này tương đương với số báo cáo cho năm 2017 và 2018, càng cho thấy sức dẻo dai của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh bất định trên toàn cầu (biểu đồ 8). Với chi phí lao động thuộc dạng rẻ nhất trên thế giới, chính sách mở cửa thương mại mạnh mẽ (Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại hơn bất kỳ quốc gia nào khác ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương) cũng như lợi thế về địa lý, Việt Nam đã và đang trở thành điểm đến quan trọng cho đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong thập kỷ qua. Đến cuối tháng 10/2019, Việt Nam đã tiếp nhận đầu tư của trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng số cam kết vốn FDI cộng dồn lên đến khoảng 358 tỷ USD trong các ngành chế tạo, chế biến, bất động sản, điện và khí đốt. Hiện nay, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đóng góp được khoảng 20% GDP của Việt Nam, một phần tư số thu từ thuế, tạo ra hàng triệu việc làm trực tiếp và gián tiếp. Các doanh nghiệp nước ngoài cũng đóng góp khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu của quốc gia, trong đó hơn nửa là từ các mặt hàng điện tử và khoảng gần một phần tư của riêng một doanh nghiệp (Công ty Samsung Việt Nam).

Biểu đồ 8 Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI)



Nguồn: SBV, cập nhật bởi BSI

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

3 Toàn cảnh TTCK Việt Nam 2019

Phiên giao dịch cuối cùng của năm 2019 đã khép lại với chỉ số VN Index dừng trong sắc đỏ tại 960,99 điểm - tăng 7,7% so với đầu năm. Mức tăng này cho thấy thị trường đã hồi phục sau mức giảm 13% của năm 2018. Tuy nhiên, năm 2020 thị trường tài chính toàn cầu và không ngoại lệ - thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam sẽ phải đối diện với nhiều rủi ro nghiêm trọng đó là dịch bệnh Covid-19; rủi ro khác đến từ bên ngoài như các yếu tố chính trị và thương mại toàn cầu.

Nhìn lại tổng quan TTCK Việt Nam năm 2019 có thể nhận thấy, thị trường chịu tác động sâu sắc từ những diễn biến phức tạp, đa chiều trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước. TTCK Việt Nam đã đi qua năm 2019 với những điểm nhấn đáng chú ý:

3.1 Thị trường chứng khoán Việt Nam có Luật Chứng khoán mới

Ngày 26/11/2019, Luật Chứng khoán sửa đổi chính thức được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV. Với nhiều điểm mới được sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán mới và đã có hiệu lực vào ngày 01/01/2021.

Theo đó, Luật mới đã nâng điều kiện trở thành công ty đại chúng từ mức vốn điều lệ 10 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng; sửa đổi, bổ sung điều kiện về cơ cấu cổ đông. Luật mới cũng đồng thời làm mới quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng, nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng doanh nghiệp lên sàn chứng khoán, qua đó giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Về phía nhà đầu tư, lần đầu tiên Luật Chứng khoán định danh nhà đầu tư chuyên nghiệp, trong đó, các cá nhân có giá trị danh mục từ 2 tỷ đồng trở lên sẽ được xếp vào khối nhà đầu tư chuyên nghiệp. Luật mới cũng quy định về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Luật bổ sung thẩm quyền của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin có liên quan để xác minh, xử lý các hành vi bị cấm; nâng mức phạt tiền tối đa đối với hành vi thao túng thị trường, giao dịch nội bộ là 10 lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức và 5 lần khoản thu trái pháp luật đối với cá nhân. Đối với các hành vi vi phạm khác, mức phạt tiền tối đa là 3 tỷ đồng đối với tổ chức và 1,5 tỷ đồng đối với cá nhân.

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

3.2 Phê duyệt Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhằm mục tiêu tiếp tục cơ cấu lại toàn diện thị trường chứng khoán, ngày 28/02/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 242 phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025".

Theo đó, Chính phủ cũng đặt ra mục tiêu quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP vào năm 2020 và 120% GDP vào năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu đạt mức 47% GDP vào năm 2020 và 55% GDP vào năm 2025. Số lượng công ty niêm yết đến năm 2020 tăng 20% so với năm 2017. Số lượng nhà đầu tư trên thị trường đạt mức 3% dân số vào năm 2020 và 5% dân số vào năm 2025.

Đề án cũng đặt ra mục tiêu đến năm 2025, chất lượng quản trị công ty trong các công ty niêm yết của Việt Nam đạt mức bình quân ASEAN6. Đồng thời, trước năm 2025, nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trên danh sách các thị trường mới nổi. Riêng với khối ngân hàng thương mại, Đề án của Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu đến hết năm 2020, toàn bộ các ngân hàng niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chính thức.

3.3 Trái phiếu doanh nghiệp bùng nổ, trái phiếu Chính phủ tiến triển tích cực

Năm 2019 thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển bùng nổ với tổng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong 11 tháng 2019 ước tính đạt 237.000 tỷ đồng, tăng 6% so cùng kỳ năm 2018. Như vậy, tính đến hết năm 2019, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã tương đương 10,26% GDP. Đặc biệt thị trường này chứng kiến sự tham gia mạnh mẽ của khối doanh nghiệp bất động sản với quy mô phát hành khoảng 71.000 tỷ đồng.

Trên thị trường trái phiếu Chính phủ, năm 2019, qua hoạt động đấu thầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã huy động được khoảng 215.000 tỷ đồng, tập trung tại các kỳ hạn 10 năm và 15 năm. Việc tập trung phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài với chi phí huy động vốn hợp lý đã tạo điều kiện cho Chính phủ tăng vay nợ tại thị trường trong nước, giảm vay nợ nước ngoài, góp phần giảm rủi ro của danh mục nợ công.

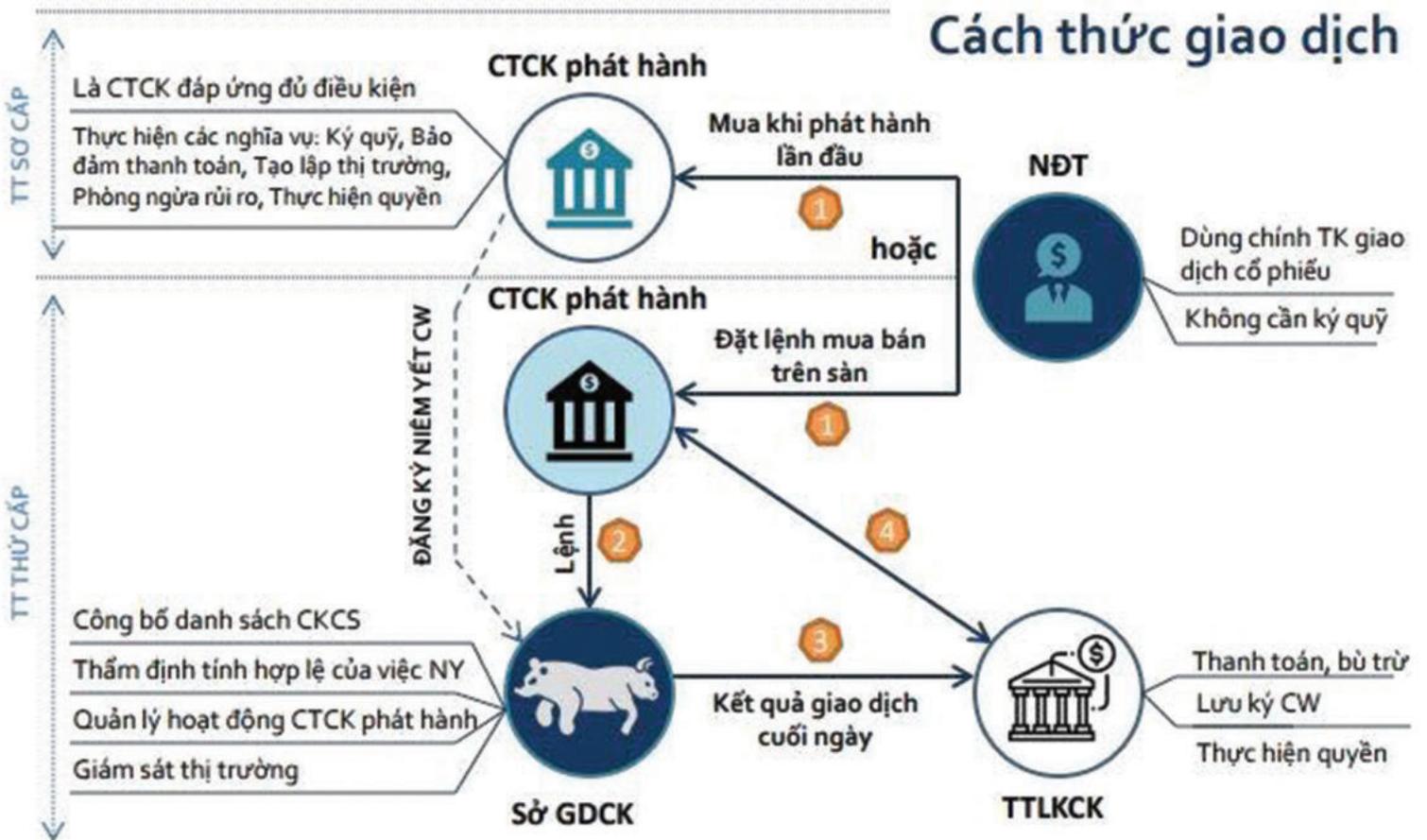
3.4 Ra mắt Chứng quyền có đảm bảo (CW) sau 7 năm chờ đợi

Đấu ấn sản phẩm mới năm 2019 có tên gọi chứng quyền, khi sản phẩm này chính thức được HOSE khai mở hoạt động vào ngày 28/6/2019. Đây là sản phẩm phái sinh thứ hai được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam sau sản phẩm hợp đồng tương lai chỉ số VN30.

Tính đến tháng 12/2019, tổng khối lượng giao dịch bình quân đạt 2,81 triệu chứng quyền, giá trị giao dịch bình quân đạt 7,44 tỷ đồng. Tuy nhiên chứng quyền được phát hành chỉ là chứng quyền mua, vì vậy người nắm giữ chứng quyền chỉ hưởng lợi nếu giá cổ phiếu cơ sở tăng. Cũng liên quan đến sản phẩm mới, trên thị trường phái sinh do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vận hành, tháng 7/2019 đã ra mắt Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO



1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

3.5 Thanh khoản thị trường năm 2019 thấp hơn kỳ vọng

Năm 2019 được chờ đợi thanh khoản sẽ tăng mạnh nhờ thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài với kỳ vọng thị trường chứng khoán được nâng hạng từ cận biên lên mới nổi; hàng loạt công ty chứng khoán tăng vốn, hỗ trợ vốn cho nhà đầu tư, nhưng thực tế không như kỳ vọng.

Trong khi chỉ số VN Index tăng 7,7% so với năm 2018 thì thanh khoản trên thị trường cổ phiếu lại giảm 29% so với bình quân năm 2018 - theo thống kê của từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Một con số đáng quan tâm khác là việc tổng số vốn huy động qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán năm 2019 cũng giảm khá mạnh, giảm 41% so với năm 2018. Những diễn biến này đòi hỏi thị trường chứng khoán trong năm mới cần thêm các giải pháp mới, để thúc đẩy thanh khoản, tạo niềm tin với nhà đầu tư trong và ngoài nước, để dòng vốn chảy mạnh hơn vào doanh nghiệp và thanh khoản tốt hơn trên thị trường giao dịch thứ cấp.

3.6 Lần đầu tiên bỏ phí sàn môi giới chứng khoán, làm thay đổi cục diện cạnh tranh trong khối công ty chứng khoán

Thông tư số 128/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam) được ban hành, trong đó chỉ quy định mức trần giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm là 0,5% giá trị giao dịch, mà không còn quy định về mức sàn 0,15% như quy định cũ.

Sau khi thông tư có hiệu lực thi hành, kể từ ngày 15/2/2019, nhiều công ty chứng khoán lập tức triển khai chương trình giảm phí giao dịch về 0% nhằm thu hút nhà đầu tư. Việc dỡ bỏ mức sàn phí giao dịch đã tạo nên gây thêm sức ép lên tình hình cạnh tranh vốn đã rất căng thẳng trên thị trường môi giới chứng khoán. Thị trường cũng đón nhận ngày càng nhiều sự tham gia của các công ty chứng khoán nước ngoài có tiềm lực về nguồn vốn, nhân sự, công nghệ.

3.7 HOSE ra mắt bộ chỉ số mới Vietnam Diamond Index (VN Diamond), Vietnam Financial Select Sector Index (VNFin Select) và Vietnam Leading Financial Index (VNFin Lead)

Đấu ấn đáng nhớ của năm 2019 là việc HOSE chính thức công bố 3 bộ chỉ số chứng khoán mới, theo yêu cầu đầu tư của các quỹ đầu tư trong nước. Đó là các chỉ số Vietnam Leading Financial Index; Vietnam Financial Select Sector Index và Vietnam Diamond Index.

Các chỉ số này dự kiến sẽ được các Quỹ xây dựng sản phẩm ETF nhằm thu hút sự đầu tư của nhà đầu tư vào các ngành, lĩnh vực cụ thể. Bên cạnh sự chuyển động về loại hình quỹ ETF, loại hình quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cũng đang được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phối hợp với các công ty quản lý quỹ xây dựng nền tảng hoạt động, dự kiến sẽ chính thức vận hành năm 2020 khi các quỹ này được Bộ Tài chính phê duyệt triển khai.

Trong đó, bộ chỉ số VN Diamond sẽ có 14 cổ phiếu góp mặt được HOSE chọn lọc theo mục tiêu hướng đến các cổ phiếu hết room nước ngoài với các tiêu chí như vốn hóa tối thiểu 2.000 tỷ đồng, GTGD khớp lệnh tối thiểu 5 tỷ đồng, giới hạn sở hữu của nhà đầu tư ngoại cao nhất và một số tiêu chí đáng lưu ý khác.

3.8 Vốn hóa thị trường vượt 100% GDP

Ở thời điểm cuối tháng 11/2019, quy mô vốn hóa toàn thị trường đạt 5.599.969 tỷ đồng, tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước, tương đương với 101,04% GDP. Trong đó, vốn hóa trên sàn HOSE đạt 3.309.515 tỷ đồng, sàn HNX đạt 185.138 tỷ đồng, sàn UpCOM đạt 921.211 tỷ đồng và thị trường TPCP/TPDN đạt 1.184.104 tỷ đồng.

Mức vốn hóa này được kỳ vọng sẽ gia tăng mạnh trong các năm tới nhờ xu hướng tăng điểm của các chỉ số chính, xu hướng mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài và tiến trình cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước được thúc đẩy. Bên cạnh đó là các hoạt động phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO), niêm yết, huy động vốn trên TTCK của các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

3.9 Quỹ ETF nội cạnh tranh thu hút dòng vốn ngoại

Năm 2019 đánh dấu sự vươn lên mạnh mẽ của quỹ ETF nội trên TTCK Việt Nam với cái tên E1VF-MVN30. Quỹ này đã huy động được gần 2.200 tỷ đồng trong năm 2019, trong đó nổi bật là dòng vốn từ Thái Lan thông qua chứng chỉ lưu ký niêm yết trên thị trường chứng khoán nước này với quy mô 151,5 triệu USD và lấy chứng chỉ quỹ E1VFMVN30 làm tài sản cơ sở.

Trên sàn giao dịch chứng khoán năm 2019, quy mô mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài với chứng chỉ quỹ E1VFMVN30 cũng ghi nhận lên tới gần 2.400 tỷ đồng. Nhờ đó quỹ này đã đạt quy mô tài sản lớn thứ hai trên thị trường Việt Nam, chỉ sau quỹ ETF V.N.M.

3.10 Lỡ cơ hội nâng hạng thị trường trong năm 2019

Vào ngày 27/9, FTSE Russell đã công bố đánh giá phân hạng thị trường trong đó Việt Nam vẫn tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng từ thị trường cận biên (Frontier Markets) lên thị trường mới nổi loại 2 (Secondary Emerging Markets) qua đó bỏ lỡ cơ hội nâng hạng trong năm 2019.

Trong đợt đánh giá lần này, Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí Thanh toán T+2/T+3 và FTSE vẫn duy trì đánh giá ở mức hạn chế. Còn với tiêu chí "Thanh toán - Ít có giao dịch thất bại", FTSE duy trì ở trạng thái cần phải có thông tin để đánh giá. Việc Việt Nam chưa được FTSE nâng hạng không ngoài dự báo được đưa ra trước đó khi vẫn chưa có bất kỳ sự cải thiện lớn và rõ rệt nào nhằm khắc phục những thiếu sót so với thời điểm được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng tháng 9/2018.

FTSE Russell cho biết đã có những tương tác với cơ quan quản lý thị trường chứng khoán Việt Nam trong 12 tháng qua và ghi nhận những nỗ lực để cải thiện thị trường. Việt Nam sẽ tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi và có thể trở thành thị trường mới nổi loại 2 vào tháng 9/2020 nếu đáp ứng được các tiêu chí của FTSE Russell. Với việc Luật Chứng khoán 2019 (sửa đổi) được thông qua cùng việc cho ra đời bộ chỉ số mới, giới đầu tư tiếp tục kỳ vọng vào triển vọng nâng hạng thị trường trong năm 2020.

2. DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

1 Kinh tế toàn cầu

Kinh tế toàn cầu đang chứng kiến những thiệt hại khốc liệt do đại dịch Covid-19 gây ra. Dự báo tăng trưởng chính xác là việc rất khó trong một môi trường thay đổi nhanh chóng. Do đại dịch COVID-19, tình hình kinh tế trong từng quốc gia và trong khu vực trở nên nhạy cảm hơn và có thể thay đổi hàng ngày.

Ngày 23/3, Tổng giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva cho biết, kinh tế thế giới đang chứng kiến những thiệt hại khốc liệt do đại dịch Covid-19 gây ra, đồng thời cảnh báo kinh tế toàn cầu có nguy cơ đối mặt với tăng trưởng âm. Theo bà Georgieva những tổn thất do dịch Covid-19 gây ra cho kinh tế toàn cầu trong năm 2020 thậm chí có thể nhiều hơn năm 2009 và sẽ đòi hỏi một cách phản ứng chưa từng có tiền lệ.

Ngày 08/04/2020, WTO cảnh báo khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 hoành hành khắp toàn cầu có nguy cơ khiến thương mại quốc tế trong năm 2020 sụt giảm ở mức kỷ lục. Tác động của cuộc khủng hoảng lần này có thể sẽ vượt xa so với khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Lãnh đạo định chế thương mại quốc tế cũng nhấn mạnh đại dịch Covid-19, với khoảng 1,4 triệu người nhiễm bệnh và hơn 80.000 ca tử vong, có thể gây ra suy thoái kinh tế nghiêm trọng nhất trong lịch sử. Các khu vực gặp nhiều nguy cơ nhất là Bắc Mỹ và châu Á. Theo kịch bản xấu nhất, xuất khẩu của những nước này có thể giảm lần lượt 40% và 36%. Thương mại châu Âu và Nam Mỹ cũng sẽ sụt giảm hơn 30%.

Kinh tế toàn cầu nhuộm màu u ám và hậu quả khó lường từ Covid-19

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt khoảng 2,9%, mức thấp nhất kể từ năm 2008 khi mà các thị trường bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính. Các nền kinh tế lớn khác cũng đang phải đối mặt với những khó khăn riêng. Nước Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, có vẻ như vẫn kiên cường chống đỡ. Tuy nhiên, tăng trưởng GDP thực tế khoảng 2,1% trong quý 4/2019 chưa đủ để tạo nên một cú hích. Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đã chứng kiến tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 6% vào quý 4/2019, mức thấp nhất trong vòng 27 năm qua.

Cú sốc mà dịch Covid-19 gây ra đối với các thị trường trên toàn thế giới diễn ra đúng lúc tình hình tài chính nguy hiểm do vòng xoáy nợ toàn cầu - với việc nợ đã ở mức cao kỷ lục, dịch Covid-19 càng làm tăng nguy cơ khủng hoảng tín dụng trong bối cảnh lãi suất ở mức thấp. Tỷ lệ nợ toàn cầu trên GDP trong quý 2/2019 đã đạt mức cao nhất mọi thời đại, trên 322%, tương đương gần 253.000 tỷ USD. Nếu dịch bệnh tiếp tục lây lan, bất kỳ nguy cơ đổ vỡ nào trong hệ thống tài chính đều có khả năng gây ra một cuộc khủng hoảng nợ mới.

2. DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Hậu quả của dịch bệnh này đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ rất lớn nhưng không thể đánh giá chính xác vào thời điểm này, đặc biệt khi xét tới sức nặng của nền kinh tế thứ 2 thế giới. Trong đại dịch SARS hồi năm 2003, Trung Quốc chỉ chiếm khoảng 8,5% GDP toàn cầu. Tuy nhiên, tỷ lệ này hiện nay đã tăng lên gần 20%. Đang có những hậu quả ngay lập tức như: (1) Nhiều nơi phải đóng cửa một loạt các ngành công nghiệp. Sản xuất bị lao dốc, sức tiêu thụ nguyên liệu thô cũng giảm sút; (2) Hoạt động sản xuất bên ngoài Trung Quốc cũng bị ảnh hưởng bởi giá trị gia tăng được sản xuất ở châu Âu và các khu vực khác đều có liên quan đến Trung Quốc; (3) Tác động trực tiếp của dịch bệnh này cũng như các hiệu ứng hoảng loạn do nó gây ra sẽ tạo hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất. Các quốc gia bị ảnh hưởng bên ngoài Trung Quốc sẽ chứng kiến sản xuất bị sụt giảm trong quý 2/2020.

Ngoài ra, dịch bệnh này cũng có thể gây ra những hậu quả tài chính nghiêm trọng. Rất nhiều công ty sẽ đối mặt với vấn đề về dòng tiền do doanh thu sụt giảm. Điều này sẽ gây ra nguy cơ nợ xấu đối với các ngân hàng. Các công ty bảo hiểm cũng sẽ phải đền bù cho các khách hàng về rủi ro dịch bệnh.

2 Kinh tế Việt Nam

ABD – Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2020 sẽ giảm tốc đáng kể còn 4,8%, do tác động của dịch Covid-19 và sự suy giảm thương mại toàn cầu

Đây là dự báo vừa được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố ngày 03/4/2020. Kinh tế Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn do đại dịch, sự bùng phát của dịch bệnh đã leo thang lên một giai đoạn mới vào tháng 3, tác động mạnh đến tất cả các đối tác thương mại và đầu tư quan trọng của Việt Nam, hình thành các cú sốc đối với cả phía cung và cầu ở hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

Hàng loạt lĩnh vực, từ chế biến chế tạo, bán lẻ, xuất nhập khẩu đều đi xuống trong quý 1. Tăng trưởng đã giảm xuống mức 3,8% trong quý 1/2020 so với mức 6,8% của cùng kỳ năm 2019. Một khảo sát doanh nghiệp được Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính thực hiện vào tháng 3-2020 cho biết 74% số doanh nghiệp được khảo sát dự kiến phải tạm thời dừng hoạt động nếu đến tháng 6-2020 bệnh dịch vẫn chưa được khống chế.

Tuy nhiên, so với bối cảnh chung, nền tảng kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá vững mạnh, ADB cho rằng GDP của Việt Nam năm 2020 được dự báo tăng 4,8%. Nếu đại dịch được khống chế trong nửa đầu năm 2020, mức tăng trưởng kinh tế sẽ là 6,8% trong năm 2021, ngang với mức dự báo của ADB trước khi COVID-19 xuất hiện. Trong trung và dài hạn, nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh. Dự báo lạm phát bình quân năm nay của Việt Nam dự kiến ở mức 3,3%, và tiếp tục tăng lên 3,5% năm 2021. Nếu đại dịch tồi tệ hơn dự báo và đặc biệt nếu giá thịt heo vẫn tiếp tục cao, áp lực lạm phát có thể tăng. Thâm hụt tài khoản vãng lai dự kiến ở mức 0,2% GDP năm nay, trước khi khôi phục được mức thặng dư 1% GDP vào năm 2021.

VEPR - 3 kịch bản kinh tế Việt Nam trong năm 2020, dựa trên khả năng kiểm soát đại dịch Covid-19 trong nước và thế giới, trong đó dự báo GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng 4,2% theo kịch bản lạc quan nhất

Ngày 13/4/2020, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) đã công bố báo cáo kinh tế vĩ mô quý 1/2020. VEPR đánh giá mức tăng trưởng GDP 3,82% của Việt Nam trong quý 1 là tích cực so với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới, trong bối cảnh dịch Covid-19 đang lây lan ở quy mô toàn cầu. Tuy nhiên theo VEPR, mức tăng này chưa phản ánh hết tác động của dịch bệnh Covid-19 cũng như chưa tính đến các ảnh hưởng tác động với khu vực kinh tế phi chính thức. VEPR cũng xây dựng 3 kịch bản kinh tế Việt Nam năm 2020, dựa trên khả năng kiểm soát bệnh dịch trong nước và trên thế giới.

Kịch bản thứ nhất xác định tác động xấu nhất của Covid-19 rơi vào quý 2, khi đó nền kinh tế bắt đầu hồi phục vào nửa cuối quý 2

Trong kịch bản thứ nhất, các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có thể có mức tăng trưởng âm trong quý 2. Bên cạnh đó, các lĩnh vực vận tải, kho bãi, dịch vụ lưu trú, ăn uống, nghệ thuật, giải trí cũng chịu tác động mạnh.

Kịch bản thứ 2 xác định tác động xấu nhất của Covid-19 rơi vào quý 2 và quý 3, nền kinh tế bắt đầu hồi phục vào nửa cuối quý 3

Trong kịch bản này, khi đó các mức tăng trưởng của các quý 2, 3, 4 sẽ lần lượt là -4,9; -1,1; 7,0 và cả năm 1,5%. Kịch bản này cho rằng, bắt đầu từ quý 4 cho tới hết năm, tăng trưởng của các ngành có thể quay trở lại mức tăng trưởng của những năm gần đây.

Kịch bản thứ 3 là kịch bản xấu nhất, khi tác động xấu của Covid-19 kéo dài tới tận quý 4, nền kinh tế bắt đầu hồi phục vào nửa cuối quý 4/2020

Với kịch bản này, mức tăng trưởng của quý 2 là -5,1%; quý 3 là -5,3; quý 4 bắt đầu phục hồi với mức tăng trưởng 2,8% và cả năm là -1,0%.

VEPR cho rằng trong bất kỳ kịch bản nào, trong thời kỳ hậu Covid-19 ở Việt Nam, sự phục hồi hoàn toàn của nhiều ngành như hàng không, du lịch hay thời trang xuất khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn và kéo dài cho tới khi thế giới hoàn toàn kiểm soát được bệnh dịch.

Thị trường tài chính Việt Nam năm 2020 - rủi ro khó lường và bất ổn sẽ đến nhiều từ những yếu tố bên ngoài - kịch bản thận trọng

Tác động của dịch Covid-19 tiếp tục làm thị trường chứng khoán (TTCK) toàn cầu suy giảm mạnh. Trong khu vực và Châu Á, nhiều TTCK cũng đang tạm ngừng giao dịch nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh. Không nằm ngoài xu thế, TTCK Việt Nam tiếp tục trong xu hướng tiêu cực do áp lực tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới, cũng như những biến động trên thị trường tài chính quốc tế. Việc dịch bệnh này tiếp tục lan rộng ra nhiều nước, đặc biệt là châu Âu, Mỹ đã làm tăng lên nỗi lo ngại về việc dịch bệnh kéo dài hơn ước tính ban đầu của thị trường và khiến cho tâm lý của giới đầu tư trở nên bi quan hơn.

Mặc dù vậy, trong bối cảnh dịch bệnh leo thang và diễn biến phức tạp ở nhiều nước thì những nỗ lực của Chính phủ, các bộ, ngành của Việt Nam trong phòng chống dịch Covid-19 quyết liệt, hiệu quả và các giải pháp, chính sách hỗ trợ nền kinh tế kịp thời của Chính phủ; sự ổn định của tỷ giá, lãi suất, thanh khoản hệ thống tài chính đã tạo ra sự an tâm đáng kể cho các nhà đầu tư. Mặt khác, dường như nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường đã có nhiều thay đổi tích cực sau 9 năm thực hiện đề án tái cơ cấu nền kinh tế đã giúp cho Việt Nam ổn định được thanh khoản ngân hàng, lãi suất, tỷ giá trong bối cảnh phức tạp hiện nay đã tạo ra nhiều lợi thế cho việc ổn định tâm lý nhà đầu tư trên TTCK và có thể giúp nhà đầu tư bình tĩnh nhận diện các cơ hội dài hạn.

Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của các thị trường vốn, coi đó là kênh cung cấp nguồn tài chính dài hạn và đa dạng cho khu vực sản xuất kinh doanh trong nước

Chính vì vậy, các thị trường vốn ở Việt Nam tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây. Quy mô thị trường trái phiếu và cổ phiếu tăng mạnh từ dưới 40% GDP năm 2011 lên đến gần 100% GDP vào tháng 6/2019, tương đương khoảng 68% tổng giá trị tín dụng của khu vực ngân hàng.

Phát triển các thị trường vốn để bổ sung cho hệ thống ngân hàng đã và đang được Chính phủ rất quan tâm. Thị trường cổ phiếu và trái phiếu phát triển mạnh trong những năm qua, nhưng giá trị vốn hóa thị trường vẫn còn thấp so với các quốc gia so sánh trong khu vực, cho thấy tiềm năng phát triển vẫn còn nhiều. Trong thời gian tới, luật chơi cần được quan tâm hơn nữa vì kinh nghiệm cho thấy minh bạch và cạnh tranh là điều kiện cần để đảm bảo thị trường vốn thực hiện hiệu quả vai trò cung cấp nguồn tài chính hiệu quả. Các cấp có thẩm quyền cần cân đối giữa (1) bảo vệ nhà đầu tư và duy trì lòng tin của nhà đầu tư về định hướng phát triển đúng đắn cơ thị trường, và (2) cho phép linh hoạt hơn nữa trong quá trình đầu tư và huy động vốn sao cho chi phí tiếp cận thị trường không trở nên quá tốn kém đến mức gây cản trở. Dưới đây là một số điểm đáng lưu ý chính để hỗ trợ huy động tài chính dài hạn trong thời gian tới:

2. DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Hoàn thiện nền tảng pháp lý về huy động tài chính

→ Ưu tiên hiện đại hóa nền tảng quy phạm pháp luật cho các thị trường. Khung quy phạm pháp luật vững vàng và ổn định kết hợp với hạ tầng thị trường hiệu quả là nền tảng để các thành viên thị trường yên tâm gia nhập. Việc sửa đổi Luật Chứng khoán và các quy định hướng dẫn triển khai nhằm cải thiện về minh bạch và công khai thông tin trên thị trường, hành vi của các thành viên thị trường, cơ chế thể chế và hoạt động, cũng như hạ tầng thị trường theo chuẩn mực quốc tế. Cải thiện khung quy phạm pháp luật để cải cách thị trường phát hành riêng lẻ và đẩy mạnh thị trường niêm yết/đại chúng cho trái phiếu doanh nghiệp cần được coi là trọng tâm.

→ Tăng cường năng lực giám sát và thực thi hiệu lực để đảm bảo liêm chính và hiệu quả trên thị trường, qua đó khiến cho chi phí huy động vốn trở nên cạnh tranh hơn cho Chính phủ và các doanh nghiệp, bao gồm cả huy động vốn cho hạ tầng. Bên cạnh đó là nhu cầu cơ chế khuyến khích các đơn vị phát hành và các nhà đầu tư - thuế tạo sân chơi công bằng.

Cải thiện về quản trị, công khai và công bố thông tin, cũng như hạ tầng thị trường

→ Thách thức quan trọng ở hiện nay là phải hình thành được văn hóa định mức tín nhiệm, nhằm đo lường và định giá khách quan rủi ro, thông qua chuẩn mực cao về công khai, công bố thông tin. Sự tham gia vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp đến nay vẫn ở mức rất hạn chế. Điều này một phần là do thiếu minh bạch và thông tin hiện chỉ được công bố cho các nhà đầu tư dự kiến. Liên quan đến điều này, các vấn đề về quản trị doanh nghiệp và đánh giá định mức tín nhiệm cần được cải thiện.

→ Khả năng tiếp cận thông tin đáng tin cậy về thị trường và chứng khoán phát hành là điều kiện cần để nâng cao lòng tin của nhà đầu tư. Vấn đề cần cải thiện là cung cấp thông tin đáng tin cậy về định giá cổ phiếu và trái phiếu Chính phủ cho các nhà đầu tư nước ngoài; đây là điều kiện quan trọng nếu Việt Nam muốn đưa cổ phiếu và trái phiếu của mình vào các chỉ số chính thống hơn cho các thị trường mới nổi về cổ phiếu và trái phiếu. Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khả năng tiếp cận thông tin công khai của doanh nghiệp còn rất hạn chế do sự chi phối của phương thức phát hành riêng lẻ.

→ Cải thiện cơ chế thị trường, bao gồm cả nâng cấp hạ tầng, cũng là điều kiện cần để đảm bảo hiệu suất hoạt động của thị trường. Đây là một trong những nguyên nhân cản trở việc Việt Nam được nâng cấp trở thành thị trường mới nổi trong các chỉ số về cổ phiếu và trái phiếu toàn cầu.

2. DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Tăng cường huy động nguồn tài chính dài hạn qua chỉ đạo của Chính phủ

→ Ngoài vai trò quản lý Nhà nước thông qua thiết kế và triển khai luật, bản thân Chính phủ cũng là tổ chức phát hành trái phiếu lớn. Trong điều kiện trái phiếu của khu vực Nhà nước đang chi phối thị trường, cơ chế được Chính phủ áp dụng trong các hoạt động của mình sẽ gây ảnh hưởng đến cách thức vận hành của thị trường trong những năm tới.

→ Các cấp có thẩm quyền cần cân nhắc hình thành lãi suất tham chiếu ngắn hạn đáng tin cậy hơn để hoàn tất đường cong lợi suất từ phân khúc ngắn hạn đến phân khúc dài hạn. Điều này sẽ giúp cải thiện việc định giá cho các công cụ có lãi suất thả nổi và tạo ra mốc neo vững chắc cho các công cụ có kỳ hạn dài hơn. Nếu không, trái phiếu doanh nghiệp phải sử dụng chỉ số tổng hợp về lãi suất tiền gửi của một số ngân hàng để tham chiếu, cách làm đó không phải lý tưởng vì bị thiên kiến theo một số ngân hàng lựa chọn và gây yếu kém trong kiểm soát quản trị.

Chính phủ đang chú trọng ngày càng nhiều đến nhu cầu phát triển các thị trường vốn để cải thiện phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế Việt Nam. Các bằng chứng thực nghiệm cho thấy thị trường vốn có thể có vai trò trung tâm trong huy động tiết kiệm, đa dạng hóa rủi ro, và phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Tất cả những điều đó đều quan trọng cho quỹ đạo tăng trưởng tương lai ở Việt Nam.

Thị trường trái phiếu và cổ phiếu hiệu quả không chỉ hỗ trợ cho các doanh nghiệp ở khu vực tư nhân mà cả cho Nhà nước, bao gồm các DNNN, với nhu cầu mở rộng và đa dạng các nguồn vốn cần huy động cho chương trình đầu tư đầy tham vọng. Tuy nhiên, hỗ trợ phát triển các thị trường vốn nói chung và TTCK nói riêng, đòi hỏi phải chú trọng liên tục đến việc hình thành nên hệ sinh thái, bao gồm khuôn khổ quy phạm pháp luật lành mạnh, các sản phẩm tài chính phù hợp, nhà đầu tư đa dạng và cải thiện về quản trị, công khai, hạ tầng và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan của Chính phủ.

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

3.1 Mục tiêu:

BSI kiên định lập trường phát triển Công ty là Bền vững – Hiệu quả - An toàn. Với mục tiêu đó, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đảm bảo uy tín và chất lượng, và các hoạt động đầu tư luôn cân nhắc, cẩn trọng và dung hòa những rủi ro có thể tiềm ẩn trong nền kinh tế thị trường chịu nhiều ảnh hưởng chung của kinh tế thế giới như hiện nay.

3.2 Định hướng:

Năm 2020, không chỉ riêng BSI mà rất nhiều Doanh nghiệp tài chính, tín dụng, ngân hàng đều có khát khao thay đổi sau một thời gian dài kinh tế chịu nhiều sức ép từ các cuộc chiến tranh thương mại, khủng hoảng. Tuy nhiên, những gì đang diễn ra với dịch bệnh Covid-19 giờ đây không chỉ riêng Doanh nghiệp Việt Nam mà cả thế giới đang bàng hoàng trước sự thay đổi quá lớn về kinh tế, sự giao thương và hành vi sống, hành vi kinh doanh.

Đứng trước tình hình đó, BSI vẫn kỳ vọng từ giữa năm 2020 sẽ có sự kiểm soát tốt về dịch bệnh, và kinh tế có những chuyển biến tích cực hơn. Đây là thách thức và cũng là cơ hội để BSI định hình mục tiêu, định hướng hoạt động của Công ty, và tự tin đảm bảo hoạt động an toàn và tìm cơ hội để phát triển ổn định.

3.3 Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu	38.871.021.385	20.000.000.000
2	Chi phí	35.776.249.932	13.000.000.000
3	Lợi nhuận	3.094.771.453	7.000.000.000

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



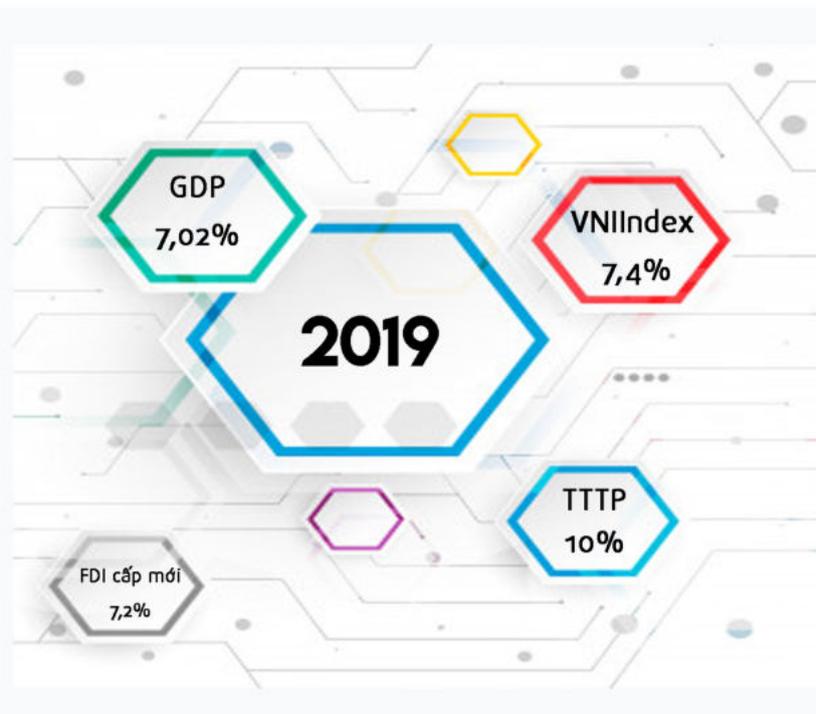
1. ĐÁNH GIÁ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2019 được xem là năm thành công đối với nền kinh tế Việt Nam, không những mức tăng trưởng nhanh nằm trong top đầu khu vực và thế giới mà còn duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, mặt bằng lãi suất và tỉ giá luôn duy trì ổn định trong bối cảnh các thị trường tài chính toàn cầu đầy biến động.

BSI cũng đã gặp phải những khó khăn nhất định trong năm 2019, tuy nhiên, bằng sự nỗ lực, chiến lược phát triển bền vững, BSI đã lần lượt giải quyết những khó khăn gặp phải và đạt lợi nhuận sau thuế: 3.094.771.453VND.

Công ty luôn chú trọng đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ Khách hàng một cách chu đáo, hiệu quả nhất bằng việc tiếp tục triển khai ứng dụng BSI Trade - hiện đại, an toàn, bảo mật cao và thuận tiện cho giao dịch chứng khoán trực tuyến trên hệ điều hành iOS, Android. Trong năm 2019, BSI đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ Khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Công ty đặc biệt là khi thực hiện việc đặt lệnh giao dịch chứng khoán trên ứng dụng BSI - Trade.

Đồng thời, năm 2019, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động. Mặt khác, để đảm bảo việc phối hợp hiệu quả giữa các Phòng ban, Công ty có điều chỉnh sơ đồ tổ chức và hoạt động, các phòng ban hoạt động hiệu quả hơn, có sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc, từ đó nâng cao được hiệu suất kinh doanh, đem lại những lợi ích thiết thực cho công ty.



2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của công ty.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Định kỳ hàng tháng Hội đồng Quản trị yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, Hội đồng Quản trị tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong quý và yêu cầu triển khai công việc mới theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

Trong năm 2019, Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình duyệt của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2019, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của BSI đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2019 của công ty đạt được kỳ vọng của Hội đồng Quản trị.



3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA. Các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của công ty.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội đồng Quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước các khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

BSI mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó của các khách hàng, cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

(ĐÃ KIỂM TOÁN)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	11 - 12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	16 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 từ trang 07 đến trang 53 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2019 là 400.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Khiết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Tốt - Tổng Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 16/09/2019 là Bà Đinh Tuyết Mai, trong giai đoạn từ ngày 17/09/2019 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Thanh Hoa.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Cự

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020



Huỳnh Văn Tốt

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2020, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn dựa trên Báo cáo tài chính năm 2019 do các Công ty nhận đầu tư lập mà chưa được kiểm toán với tổng giá trị các khoản đầu tư gốc là 40.139.500.000 đồng (trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần An Phú với giá trị gốc là 8.287.500.000 đồng, các đơn vị còn lại không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành). Chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của các báo cáo tài chính này đến giá trị dự phòng phải trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập theo quy định tại ngày 31/12/2019, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 3558-2017-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.839.447.153	307.439.380.215
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		302.444.097.716	307.087.150.172
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	72.575.354.870	50.054.340.104
Tiền	111.1		32.575.354.870	50.054.340.104
Các khoản tương đương tiền	111.2		40.000.000.000	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.1	35.722.533.250	43.508.546.230
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	178.900.000.000	132.403.231.516
Các khoản cho vay	114	7.3	5.054.993.878	19.412.295.708
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.5	(1.057.111.612)	(3.956.813.212)
Các khoản phải thu	117	8	2.150.245.221	776.359.374
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>	<i>8</i>	<i>2.150.245.221</i>	<i>776.359.374</i>
Trả trước cho người bán	118	8	249.750.000	63.612.996.370
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	1.733.332.109	1.273.308.786
Các khoản phải thu khác	122	8	43.734.867.513	27.595.643.196
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(36.619.867.513)	(27.592.757.900)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		395.349.437	352.230.043
Tạm ứng	131	10	-	72.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	392.349.437	277.230.043
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	12	3.000.000	3.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.288.455.158	106.865.930.427
Tài sản tài chính dài hạn	210		39.758.310.487	71.518.003.274
Các khoản đầu tư	212	13	40.139.500.000	72.455.125.000
Đầu tư dài hạn khác	212.4	13.1	40.139.500.000	72.455.125.000
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	13.2	(381.189.513)	(937.121.726)
Tài sản cố định	220		4.911.127.407	5.912.278.107
Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.214.348.110	2.553.313.400
- Nguyên giá	222		9.961.296.403	12.713.103.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(7.746.948.293)	(10.159.789.954)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.696.779.297	3.358.964.707
- Nguyên giá	228		5.924.429.770	5.819.429.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(3.227.650.473)	(2.460.465.063)
Tài sản dài hạn khác	250		29.619.017.264	29.435.649.046
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	12	25.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	600.648.259	645.161.062
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	16	4.018.369.005	3.790.487.984
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		377.127.902.311	414.305.310.642

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.660.263.401	41.932.443.185
Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.660.263.401	41.932.443.185
Vay ngắn hạn	312	17	-	40.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	45.173.356	96.195.385
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	-	11.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		603.400.000	345.650.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	50.188.500	129.372.186
Phải trả người lao động	323		649.982.187	1.009.340.884
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		132.823.262	107.537.862
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	-	72.328.767
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	22	30.074.206	12.396.211
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		148.621.890	148.621.890
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		375.467.638.910	372.372.867.457
Vốn chủ sở hữu	410	23	375.467.638.910	372.372.867.457
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(26.976.632.347)	(30.071.403.800)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(6.191.917.142)	(17.072.701.575)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(20.784.715.205)	(12.998.702.225)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		377.127.902.311	414.305.310.642

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	24	1.037.935.347	1.037.935.347
Cổ phiếu đang lưu hành	006		40.000.000	40.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	25	35.106.720.000	35.106.550.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	26	40.000	40.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	27	1.214.263.730.000	1.719.003.390.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		316.921.010.000	406.332.300.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.717.220.000	1.763.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		433.831.880.000	850.204.970.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.340.900.000	250.400.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	28	14.258.210.000	14.296.420.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		14.258.210.000	14.296.420.000
Tiền gửi của khách hàng	026		4.843.911.649	5.425.338.093
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	29	4.146.780.449	3.094.425.693
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	29	697.131.200	2.330.909.400
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	30	-	3.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	31	4.843.911.649	5.425.335.093
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.840.908.463	5.422.248.847
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.003.186	3.086.246
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	32	-	3.000

Nguyễn Thị Cẩm Thu
Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hoa
Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		20.484.296.839	33.302.389.459
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	35	17.672.093.860	4.178.131.509
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	36	2.630.103.350	28.823.910.000
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	37	182.099.629	300.347.950
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	37	11.266.933.498	3.264.442.154
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	37	570.371.519	993.306.314
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	38	1.653.808.981	2.957.855.026
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	38	666.792.432	1.285.325.163
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	38	241.420.999	1.140.809.091
Thu nhập hoạt động khác	11	38	26.845.043	8.364.183
Cộng doanh thu hoạt động	20		34.910.469.311	42.952.491.390
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	35	1.315.625.000	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	36	10.416.116.330	32.617.742.619
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		6.127.408.013	1.207.433.715
Chi phí hoạt động tự doanh	26		478.000.000	478.000.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	39	2.733.284.633	2.798.514.335
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	39	543.709.417	936.307.065
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	39	842.820.538	645.783.105
Chi phí các dịch vụ khác	32	39	1.303.809	1.425.053
Cộng chi phí hoạt động	40		22.458.267.740	38.685.205.892
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42		3.958.552.074	12.311.937.839
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	40	3.958.552.074	12.311.937.839
Chi phí lãi vay	52		1.439.342.466	5.273.375.339
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		(555.932.213)	(8.441.976.415)
Cộng chi phí tài chính	60	41	883.410.253	(3.168.601.076)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	42	12.307.694.815	11.664.569.043
Kết quả hoạt động	70		3.219.648.577	8.083.255.370

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Thu nhập khác	71	43	2.000.000	5.000.000
Chi phí khác	72	44	126.877.124	210.000.000
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(124.877.124)	(205.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		3.094.771.453	7.878.255.370
Lợi nhuận đã thực hiện	91		10.880.784.433	11.672.087.989
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(7.786.012.980)	(3.793.832.619)
Chi phí thuế TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	45	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200		3.094.771.453	7.878.255.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	46	77	197



Nguyễn Thị Cẩm Thu
Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(715.050.019.407)	(886.901.094.542)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		681.768.443.140	778.919.736.677
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(5.110.811)	(65.704.871)
Cổ tức đã nhận	04		150.401.000	300.347.950
Tiền lãi đã thu	05		10.527.563.663	3.798.174.184
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(1.511.671.233)	(5.296.027.395)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(876.830.029)	(1.519.343.961)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(7.306.526.994)	(6.239.522.648)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(950.448.017)	(1.232.649.028)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		95.232.990.734	179.473.401.006
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(36.375.411.040)	(208.878.527.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.603.381.006	(147.641.210.188)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(457.796.100)	(1.513.861.550)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	23		(132.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	24		148.000.000.000	2.000.000.000
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		21.375.429.860	12.056.700.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		36.917.633.760	12.542.838.450
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay gốc	33		2.000.000.000	90.000.000.000
Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
Tiền vay khác	33.2		2.000.000.000	90.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.000.000.000)	(104.000.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(42.000.000.000)	(104.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(40.000.000.000)	(14.000.000.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		22.521.014.766	(149.098.371.738)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		50.054.340.104	199.152.711.842
Tiền	61		50.054.340.104	155.152.711.842
Các khoản tương đương tiền	62		-	44.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	72.575.354.870	50.054.340.104
Tiền	71	5	32.575.354.870	50.054.340.104
Các khoản tương đương tiền	72	5	40.000.000.000	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		755.344.076.512	1.348.623.344.436
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(462.038.336.363)	(916.076.951.920)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(293.694.304.686)	(433.680.373.976)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(192.858.907)	(799.098.651)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		7.251.133.625	8.125.090.387
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(7.251.136.625)	(8.125.087.387)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>		<i>(581.426.444)</i>	<i>(1.933.077.111)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		5.425.338.093	7.358.415.204
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		5.425.338.093	7.358.415.204
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		3.094.425.693	4.471.712.704
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		2.330.909.400	2.886.702.500
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		3.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		4.843.911.649	5.425.338.093
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		4.843.911.649	5.425.338.093
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		4.146.780.449	3.094.425.693
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		697.131.200	2.330.909.400
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	3.000
Trong đó có kỳ hạn:				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-







Nguyễn Thị Cẩm Thu
Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020

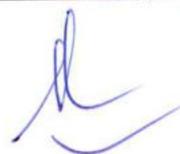
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2018	Tại 01/01/2019	Năm 2018		Năm 2019		Tại 31/12/2018	Tại 31/12/2019
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu	364.494.612.087	372.372.867.457	47.836.401.363	(39.958.145.993)	22.710.650.640	(19.615.879.187)	372.372.867.457	375.467.638.910
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	657.921.000	657.921.000	-	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.786.350.257	1.786.350.257	-	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	(37.949.659.170)	(30.071.403.800)	47.836.401.363	(39.958.145.993)	22.710.650.640	(19.615.879.187)	(30.071.403.800)	(26.976.632.347)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(28.744.789.564)	(17.072.701.575)	22.231.937.773	(10.559.849.784)	20.138.740.340	(9.257.955.907)	(17.072.701.575)	(6.191.917.142)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(9.204.869.606)	(12.998.702.225)	25.604.463.590	(29.398.296.209)	2.571.910.300	(10.357.923.280)	(12.998.702.225)	(20.784.715.205)
Cộng	364.494.612.087	372.372.867.457	47.836.401.363	(39.958.145.993)	22.710.650.640	(19.615.879.187)	372.372.867.457	375.467.638.910
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Thị Cẩm Thu
Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hoa
Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

1.2 ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

1.3 ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều lệ Công ty ban hành lần đầu ngày 10/05/2007 và được sửa đổi thay thế ngày 27/05/2013.

1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quy mô vốn

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2019 là 400.000.000.000 đồng.

Mục tiêu đầu tư

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

Hạn chế đầu tư (tiếp)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

Cấu trúc Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty và đặc biệt là các quy định ban hành của Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ngày 19/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 1755/UBCK-QLKD về việc ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ đối với Công ty. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ do tỷ lệ an toàn tài chính tại các thời điểm 31/01/2018, 30/06/2018 và 30/09/2018 của Công ty đã không đảm bảo điều kiện để thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định. Do đó, Công ty phải ngừng ngay việc ký mới hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, ngừng cho vay vốn để thực hiện giao dịch ký quỹ.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC đưa ra các quy định, nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016, riêng các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý chỉ được áp dụng khi Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 đã cho phép ghi nhận và đánh giá lại theo nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Từ ngày 01/01/2017, giá trị các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý theo quy định.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3.3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3.4 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền hiện có của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo, gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK, tiền mặt tại quỹ của CTCK, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của CTCK và các khoản tương đương tiền (Nếu có).

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC Ghi nhận Tài sản Tài chính (TIẾP)

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

a) **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

b) **Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

4.2.1. NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

d) **Các khoản cho vay:** Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

4.2.2. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2019.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 đã cho phép ghi nhận theo nguyên tắc giá trị hợp lý: các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Theo đó, căn cứ quy định tại Thông tư số 210 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại cao hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2019 là 2.630.103.350 đồng và giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại thấp hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2019 là 10.416.116.330 đồng. Phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Theo quy định, cuối tháng chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chi tiêu chi tiết “chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL năm 2019 là 2.630.103.350 đồng.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chi tiêu chi tiết “chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL năm 2019 là 10.416.116.330 đồng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán). Số chênh lệch tăng, giảm do đánh giá lại của từng loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK không bù trừ giữa các tài sản tài chính.

4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Trung tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.
- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 - 5

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

4.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CÁC QUỸ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

4.11 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Là khoản phí môi giới CTCK được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho CTCK khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí khác thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng. Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Cơ sở ghi nhận giảm số lượng và giá trị các tài sản tài chính bán trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện và nhận được Thông báo kết quả bù trừ của Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) hoặc (Đối với chứng khoán niêm yết) hoặc của Tổ chức bù trừ và thanh toán được ủy nhiệm (Đối với chứng khoán chưa niêm yết mà CTCK được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành). Khi đó chứng khoán được xác định chuyển quyền sở hữu và việc nghĩa vụ thanh toán chứng khoán được thực hiện. Doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (Được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán (tiếp)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Trong đó:

- Chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập;
- Chênh lệch lỗ được ghi nhận vào TK 632 - Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh.

Về thời điểm ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện doanh thu bán các tài sản tài chính là ngày T+x (Bán TSTC qua Sở Giao dịch chứng khoán và không qua Sở Giao dịch chứng khoán). Công ty chứng khoán có thể ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+0 ngày khớp lệnh giao dịch mua, bán các tài sản tài chính (Trường hợp mua bán các TSTC trên Sở Giao dịch chứng khoán).

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.13 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền	32.575.354.870	50.054.340.104
Tiền mặt	174.525.894	80.900.212
Tiền gửi ngân hàng	32.400.828.976	49.973.439.892
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 07 ngày (*)	40.000.000.000	-
Cộng	72.575.354.870	50.054.340.104

(*) Đây là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 07 ngày tại Ngân hàng TMCP Kiên Long.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	6.481.884	66.071.129.900
- Cổ phiếu	6.481.884	66.071.129.900
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	6.481.884	66.071.129.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Chi tiêu	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	56.507.248.455	35.722.533.250	56.507.248.455	43.508.546.230
DPM	4.423.500.000	1.942.500.000	4.423.500.000	3.345.000.000
EIB	112.156	160.200	112.156	126.450
STB	52.074.188.361	33.767.889.450	52.074.188.361	40.151.868.550
Cổ phiếu lẻ khác	9.447.938	11.983.600	9.447.938	11.551.230
Cộng	56.507.248.455	35.722.533.250	56.507.248.455	43.508.546.230

7.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tài sản HTM		
Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng	178.900.000.000	132.403.231.516
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh (*)	136.200.000.000	94.703.231.516
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (**)	37.700.000.000	37.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt (***)	5.000.000.000	-
Cộng	178.900.000.000	132.403.231.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM) (TIẾP)

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bình Chánh, bao gồm:

- + Hợp đồng tiền gửi số 01/2019/1878193/HĐTG ngày 05/01/2019 với giá trị 39.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,7%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 07/2019/1878193/HĐTG ngày 28/10/2019 với giá trị 28.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,6%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 02/2019/1878193/HĐTG ngày 18/06/2019 với giá trị 21.200.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,6%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 05/2019/1878193/HĐTG ngày 25/06/2019 với giá trị 48.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,6%/năm.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng tiền gửi số HĐTG-TSG.DVKH giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn là 37.700.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất hiện tại 5,3%/ năm.

(***) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng tiền gửi số 176/HĐTG-VCCB.KHDN&ĐC.2019 ngày 27/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở, số tiền gửi là 5.000.000.000 đồng với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8%/năm.

7.3 CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	3.455.980.612	2.398.869.000	19.211.516.745	15.254.703.533
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	1.599.013.266	1.599.013.266	200.778.963	200.778.963
Cộng	5.054.993.878	3.997.882.266	19.412.295.708	15.455.482.496

(*) Giá trị hợp lý các khoản cho vay được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019					Tại 01/01/2019				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	56.507.248.455	35.722.533.250	6.005.569	20.790.720.774	35.722.533.250	56.507.248.455	43.508.546.230	5.064.143	13.003.766.368	43.508.546.230
+ Cổ phiếu niêm yết	56.507.248.455	35.722.533.250	6.005.569	20.790.720.774	35.722.533.250	56.507.248.455	43.508.546.230	5.064.143	13.003.766.368	43.508.546.230
DPM	4.423.500.000	1.942.500.000	-	2.481.000.000	1.942.500.000	4.423.500.000	3.345.000.000	-	1.078.500.000	3.345.000.000
EIB	112.156	160.200	48.044	-	160.200	112.156	126.450	14.294	-	126.450
STB	52.074.188.361	33.767.889.450	-	18.306.298.911	33.767.889.450	52.074.188.361	40.151.868.550	-	11.922.319.811	40.151.868.550
Cổ phiếu khác	9.447.938	11.983.600	5.957.525	3.421.863	11.983.600	9.447.938	11.551.230	5.049.849	2.946.557	11.551.230
Tài sản AFS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản HTM	178.900.000.000	178.900.000.000	-	-	178.900.000.000	132.403.231.516	132.403.231.516	-	-	132.403.231.516
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	178.900.000.000	178.900.000.000	-	-	178.900.000.000	132.403.231.516	132.403.231.516	-	-	132.403.231.516
Các khoản cho vay và phải thu	5.054.993.878	3.997.882.266	-	1.057.111.612	3.997.882.266	19.412.295.708	15.455.482.496	-	3.956.813.212	15.455.482.496
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	3.455.980.612	2.398.869.000	-	1.057.111.612	2.398.869.000	19.211.516.745	15.254.703.533	-	3.956.813.212	15.254.703.533
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	1.599.013.266	1.599.013.266	-	-	1.599.013.266	200.778.963	200.778.963	-	-	200.778.963
Cộng	240.462.242.333	218.620.415.516	6.005.569	21.847.832.386	218.620.415.516	208.322.775.679	191.367.260.242	5.064.143	16.960.579.580	191.367.260.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.5 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Chi tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2019			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2018	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường		
Các khoản cho vay		2.883.415.912	1.826.304.300	(1.057.111.612)	2.899.701.600
Cho vay Margin		2.883.415.912	1.826.304.300	(1.057.111.612)	2.899.701.600
- Ông Đỗ Đức Tâm		-	-	-	1.523.775.397
- Ông Huỳnh Nguyễn Vũ	763.775	2.883.415.912	1.826.304.300	(1.057.111.612)	1.375.926.203
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán		-	-	-	-
Cộng		2.883.415.912	1.826.304.300	(1.057.111.612)	2.899.701.600

DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	1.057.111.612	3.956.813.212
Các khoản cho vay	1.057.111.612	3.956.813.212
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp	-	-
Cộng	1.057.111.612	3.956.813.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.150.245.221	776.359.374
· Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	2.105.156.437	608.266.194
· Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	45.088.784	168.093.180
Trả trước cho người bán	249.750.000	63.612.996.370
· Bà Nguyễn Thị Thảo	-	63.310.000.000
· Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn EOI - Việt Nam	90.000.000	-
· Nhà cung cấp khác	159.750.000	302.996.370
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.733.332.109	1.273.308.786
· Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	770.000.000	786.500.000
· + Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa	770.000.000	770.000.000
· + Các Khách hàng khác	-	16.500.000
· Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.172.072	582.274
· Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	960.160.037	486.226.512
Phải thu khác	43.734.867.513	27.595.643.196
· Thuế TNCN phải thu nhân viên khi quyết toán	-	2.660.296
· BHYT phải đóng của Bà Trần Thu Yên	-	225.000
· Các khoản phải thu khác	43.734.867.513	27.592.757.900
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi</i>	<i>43.734.867.513</i>	<i>27.592.757.900</i>
· + Công ty CP TM Hùng Cường (*)	17.950.000.000	2.950.000.000
· + Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	-
· + Các đối tượng còn lại (**)	24.642.757.900	24.642.757.900
Cộng	47.868.194.843	93.258.307.726

(*) Số dư phải thu Công ty CP Thương Mại Hùng Cường bao gồm khoản phải thu tiền lãi từ nhiều năm trước là 2.950.000.000 đồng và khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn 1.000.000 cổ phiếu Công ty CP Liên Minh là 15.000.000.000 đồng. Công ty đã khởi kiện ra Tòa án và đã có Quyết định giám đốc thẩm số 50/2017/KDTM-GĐT ngày 28/11/2017 của Tòa án Nhân dân cấp cao Tp. Hồ Chí Minh. Lý do khởi kiện: Công ty CP Thương mại Hùng Cường không thanh toán số tiền mua cổ phần như đã thỏa thuận theo Hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phiếu Công ty CP Liên Minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CP Chứng khoán BETA với tổng giá trị chuyển nhượng là 15.000.000.000 đồng.

Theo đó, căn cứ Quyết định thi hành án số 13/QĐ-CCTHADS ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10: Công ty Hùng Cường phải thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán BETA là 21.954.250.000 đồng, gồm 15.000.000.000 đồng tiền mua cổ phiếu và 6.954.250.000 đồng tiền lãi. Sau khi Công ty Hùng Cường thanh toán đủ số tiền này, Công ty CP Chứng khoán BETA sẽ có trách nhiệm bàn giao bản chính Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần và tiến hành thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần cho Công ty Hùng Cường. Trong trường hợp Công ty Hùng Cường chậm thanh toán số tiền vốn chuyển nhượng cổ phần thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Đến thời điểm hiện nay, Công ty Hùng Cường vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo Quyết định thi hành án này.

(**) Là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2019		Tại 01/01/2019		
			Tại 01/01/2019	Số trích lập trong năm		Số hoàn nhập trong năm	Tại 31/12/2019
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Dự phòng phải thu khác khó đòi	44.504.867.513	27.592.757.900	9.027.109.613	-	36.619.867.513	27.592.757.900
1	Đỗ Hoàng Long	3.061.955.000	3.061.955.000	-	-	3.061.955.000	3.061.955.000
2	Nguyễn Thị Thu Hương	1.488.510.000	1.488.510.000	-	-	1.488.510.000	1.488.510.000
3	Đinh Thị Hoa	218.067.400	218.067.400	-	-	218.067.400	218.067.400
4	Hoàng Đại Nghĩa	4.392.600.000	4.392.600.000	-	-	4.392.600.000	4.392.600.000
5	Vũ Văn Tú	446.000.000	446.000.000	-	-	446.000.000	446.000.000
6	Nguyễn Văn Tiệp	6.921.706.000	6.921.706.000	-	-	6.921.706.000	6.921.706.000
7	Lê Thị Thanh Nga	3.356.331.500	3.356.331.500	-	-	3.356.331.500	3.356.331.500
8	Đỗ Trọng Thắng	3.006.378.000	3.006.378.000	-	-	3.006.378.000	3.006.378.000
9	Lê Xuân Hợi	1.751.210.000	1.751.210.000	-	-	1.751.210.000	1.751.210.000
10	Cty CP TM Hùng Cường	17.950.000.000	2.950.000.000	7.500.000.000	-	10.450.000.000	2.950.000.000
11	Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	-	1.142.109.613	-	1.142.109.613	-
12	Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa	770.000.000	-	385.000.000	-	385.000.000	-
	Cộng	44.504.867.513	27.592.757.900	9.027.109.613	-	36.619.867.513	27.592.757.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TẠM ỨNG

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Thành Nhân	-	50.000.000
Nhân viên khác	-	22.000.000
Cộng	-	72.000.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	392.349.437	277.230.043
Chi phí bản quyền thiết bị tương lửa	39.291.669	39.291.669
Chi phí bảo hiểm	32.536.807	17.254.903
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.941.169	60.930.825
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	291.579.792	159.752.646
Chi phí trả trước dài hạn	600.648.259	645.161.062
Chi phí thi công, trang trí văn phòng	-	25.915.262
Chi phí bản quyền phần mềm	27.165.366	57.741.083
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	473.351.978	437.050.413
Chi phí trả trước dài hạn khác	100.130.915	124.454.304
Cộng	992.997.696	922.391.105

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ đặt cọc thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
Dài hạn	25.000.000.000	25.000.000.000
Ký quỹ đặt cọc thuê nhà	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	25.003.000.000	25.003.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****13.1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	CP	CP	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	1.842.250	3.394.125	40.139.500.000	72.455.125.000
Công ty CP An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP Thời Trang Việt	-	151.875	-	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh (*)	-	1.000.000	-	15.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	26.000	7.852.000.000	7.852.000.000
Công ty CP Bất Động Sản Tiến Lợi	300.000	700.000	9.000.000.000	21.000.000.000
Cộng	1.842.250	3.394.125	40.139.500.000	72.455.125.000

(*) Khoản đầu tư này đã nhiều năm không được Công ty CP Liên Minh xác nhận cũng như không nhận được bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ khoản đầu tư này. Ngoài ra, đã có quyết định của tòa án đối với hợp đồng mua bán 1.000.0000 cổ phần cho Công ty CP Thương mại Hùng Cường. Do đó, Công ty đã chuyển qua theo dõi trên khoản phải thu khác với đối tượng là Công ty Cổ phần Thương mại Hùng Cường, chi tiết xem tại Thuyết minh số 09 Thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2019			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2018	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm 2019	
	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường (*)			Giá trị lập dự phòng
Đầu tư dài hạn khác		40.139.500.000	39.758.310.487	381.189.513	937.121.726	555.932.213
Cổ phiếu chưa niêm yết						
- Công ty CP An Phú	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	7.852.000.000	7.852.000.000	-	-	-
- Công ty CP Bất Động Sản Tiến Lợi	300.000	9.000.000.000	8.618.810.487	381.189.513	937.121.726	555.932.213
Cộng		40.139.500.000	39.758.310.487	381.189.513	937.121.726	555.932.213

(*) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính, do đó việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ trên Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư. Đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP An Phú để xem xét việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2019	150.000.000	4.328.260.259	5.015.024.497	32.990.000	3.186.828.598	12.713.103.354
Mua trong năm	-	405.296.100	-	-	-	405.296.100
Giảm khác (*)	-	(1.296.633.957)	-	-	(1.860.469.094)	(3.157.103.051)
Tại 31/12/2019	150.000.000	3.436.922.402	5.015.024.497	32.990.000	1.326.359.504	9.961.296.403
HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại 01/01/2019	(150.000.000)	(3.623.548.234)	(3.198.496.733)	(916.389)	(3.186.828.598)	(10.159.789.954)
Trích khấu hao trong năm	-	(201.598.050)	(531.666.672)	(10.996.668)	-	(744.261.390)
Giảm khác (*)	-	1.296.633.957	-	-	1.860.469.094	3.157.103.051
Tại 31/12/2019	(150.000.000)	(2.528.512.327)	(3.730.163.405)	(11.913.057)	(1.326.359.504)	(7.746.948.293)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2019	-	704.712.025	1.816.527.764	32.073.611	-	2.553.313.400
Tại 31/12/2019	-	908.410.075	1.284.861.092	21.076.943	-	2.214.348.110

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 5.776.152.823 đồng.

(*) Công ty thanh xử lý đối với danh mục các tài sản cố định không còn trên thực tế và đã hết giá trị sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2019	5.551.686.320	205.924.000	61.819.450	5.819.429.770
Mua trong năm	105.000.000	-	-	105.000.000
Tại 31/12/2019	<u>5.656.686.320</u>	<u>205.924.000</u>	<u>61.819.450</u>	<u>5.924.429.770</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2019	(2.220.447.988)	(178.197.625)	(61.819.450)	(2.460.465.063)
Trích khấu hao trong năm	(748.701.162)	(18.484.248)	-	(767.185.410)
Tại 31/12/2019	<u>(2.969.149.150)</u>	<u>(196.681.873)</u>	<u>(61.819.450)</u>	<u>(3.227.650.473)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	<u>3.331.238.332</u>	<u>27.726.375</u>	-	<u>3.358.964.707</u>
Tại 31/12/2019	<u>2.687.537.170</u>	<u>9.242.127</u>	-	<u>2.696.779.297</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 455.201.270 đồng.

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	2.669.480.861	2.664.370.050
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.224.675.869	1.001.905.659
Cộng	<u>4.018.369.005</u>	<u>3.790.487.984</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay	Tại 01/01/2019	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Tại 31/12/2019
		VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
Vay Ngân hàng TMCP Bán Việt (*)	11,0%	40.000.000.000	2.000.000.000	42.000.000.000	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn					
Nợ thuê tài chính		-	-	-	-
Cộng		40.000.000.000	2.000.000.000	42.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	5.451.952	21.386.247
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	39.721.404	74.809.138
Cộng	45.173.356	96.195.385

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	-	11.000.000
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY - CN tại TP.HCM	-	11.000.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	77.092.400
Thuế Thu nhập cá nhân	50.188.500	52.279.786
Cộng	50.188.500	129.372.186

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Trích trước chi phí lãi vay	-	72.328.767
Cộng	-	72.328.767

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Thuế TNCN phải trả nhân viên khi quyết toán	-	11.447.461
Điều chỉnh số tiền dư theo thông báo từ BHXH Quận 1	30.072.306	-
Phải trả phải nộp khác	1.900	948.750
Cộng	30.074.206	12.396.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Số vốn thực góp	Tỷ lệ	Số vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Cựu	104.262.000.000	26,07%	102.962.000.000	25,74%
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	58.868.300.000	14,72%	58.868.300.000	14,72%
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	51.825.000.000	12,96%	51.825.000.000	12,96%
Bà Trần Thị Bông	70.000.000	0,02%	70.000.000	0,02%
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000	11,00%
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000	7,50%
Bà Phan Thị Yên Hà	42.125.000.000	10,53%	42.125.000.000	10,53%
Các cổ đông khác	68.849.700.000	17,20%	70.149.700.000	17,54%
Cộng	400.000.000.000	100,00%	400.000.000.000	100,00%

23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

23.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.4 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

	Năm 2019	Năm 2018
	Số tăng/(giảm)	Số tăng/(giảm)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
- Trích quỹ khen thưởng	-	-
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm	3.094.771.453	7.878.255.370
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>10.880.784.433</i>	<i>11.672.087.989</i>
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>(7.786.012.980)</i>	<i>(3.793.832.619)</i>
Cộng	<u>3.094.771.453</u>	<u>7.878.255.370</u>

24. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

STT	Đối tượng	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
		VND	VND
1	Lê Thị Thu Hương	231.826.917	231.826.917
2	Lại Danh Dương	806.108.430	806.108.430
	Cộng	<u>1.037.935.347</u>	<u>1.037.935.347</u>

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	35.106.720.000	5.106.550.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	30.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	-
Cộng	<u>35.106.720.000</u>	<u>35.106.550.000</u>

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	40.000	40.000
Cộng	<u>40.000</u>	<u>40.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	316.921.010.000	406.332.300.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.717.220.000	1.763.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	433.831.880.000	850.204.970.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.340.900.000	250.400.000
Cộng	1.214.263.730.000	1.719.003.390.000

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.258.210.000	14.296.420.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	-
Cộng	14.258.210.000	14.296.420.000

29. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.146.780.449	3.094.425.693
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	4.143.777.263	3.091.339.447
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	3.003.186	3.086.246
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	697.131.200	2.330.909.400
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	697.131.200	2.330.909.400
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Cộng	4.843.911.649	5.425.335.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	3.000
Cộng	-	3.000

31. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.146.780.449	3.094.425.693
- Nhà đầu tư trong nước	4.143.777.263	3.091.339.447
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	3.003.186	3.086.246
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức	-	-
- Nhà đầu tư trong nước	-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	697.131.200	2.330.909.400
- Nhà đầu tư trong nước	697.131.200	2.330.909.400
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	-
Cộng	4.843.911.649	5.425.335.093

32. PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Phải trả về Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	3.000
Cộng	-	3.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. PHẢI TRẢ VAY CTCK CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Phải trả nghiệp vụ margin	3.501.069.396	19.379.609.925
- Phải trả gốc margin (Nhà đầu tư trong nước)	3.455.980.612	19.211.516.745
- Phải trả lãi margin (Nhà đầu tư trong nước)	45.088.784	168.093.180
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.599.013.266	200.778.963
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	1.599.013.266	200.778.963
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	-	-
Cộng	5.100.082.662	19.580.388.888

34. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CTCK

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	3.172.072	582.274
Cộng	3.172.072	582.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. LÃI, LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng	Giá bán	Giá vốn bình quân	Lãi, lỗ bán chứng khoán	Lãi, lỗ bán chứng khoán
		bán		gia quyền tính đến	năm 2019	năm 2018
		Cổ phiếu	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	4.178.131.509
	EIB	-	-	-	-	4.178.131.509
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.751.875	153.672.093.860	137.315.625.000	16.356.468.860	-
	+ Công ty CP Thời Trang Việt	151.875	4.000.000.000	5.315.625.000	(1.315.625.000)	-
	+ Công ty CP Du lịch Tiến Lợi	400.000	18.000.000.000	12.000.000.000	6.000.000.000	-
	+ Cty CP Đầu tư Phát triển Đô Thị Gia Phú	1.200.000	131.672.093.860	120.000.000.000	11.672.093.860	-
	Cộng	1.751.875	153.672.093.860	137.315.625.000	16.356.468.860	4.178.131.509

36. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá	Chênh lệch đánh giá	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế
		kế toán	hoặc giá trị hợp lý	lại tại 31/12/2019	lại tại 01/01/2019	toán năm 2019
		VND	VND	VND	VND	VND
I	Loại FVTPL	56.507.248.455	35.722.533.250	(20.784.715.205)	(12.998.702.225)	(7.786.012.980)
1	Cổ phiếu niêm yết	56.507.248.455	35.722.533.250	(20.784.715.205)	(12.998.702.225)	(7.786.012.980)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	5.054.993.878	3.997.882.266	(1.057.111.612)	(3.956.813.212)	2.899.701.600
	Các khoản cho vay hoạt động Margin	3.455.980.612	2.398.869.000	(1.057.111.612)	(3.956.813.212)	2.899.701.600
	Các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	1.599.013.266	1.599.013.266	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	61.562.242.333	39.720.415.516	(21.841.826.817)	(16.955.515.437)	(4.886.311.380)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	182.099.629	300.347.950
Từ tài sản tài chính HTM	11.266.933.498	3.264.442.154
Từ các khoản cho vay và phải thu	570.371.519	993.306.314
Từ AFS	-	-
Cộng	12.019.404.646	4.558.096.418

38. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.653.808.981	2.957.855.026
Doanh thu hoạt động tư vấn	241.420.999	1.140.809.091
Doanh thu hoạt động lưu ký	666.792.432	1.285.325.163
Thu nhập hoạt động khác	26.845.043	8.364.183
Cộng	2.588.867.455	5.392.353.463

39. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.733.284.633	2.798.514.335
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	543.709.417	936.307.065
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	842.820.538	645.783.105
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	1.303.809	1.425.053
Cộng	4.121.118.397	4.382.029.558

40. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	32.445.864	67.674.187
Doanh thu lãi tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán	222.770.210	184.263.652
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.703.336.000	12.060.000.000
Cộng	3.958.552.074	12.311.937.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

41. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	1.439.342.466	5.273.375.339
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(555.932.213)	(8.441.976.415)
Cộng	883.410.253	(3.168.601.076)

42. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	5.308.182.003	5.416.409.892
Chi phí vật liệu, bao bì	109.487.670	76.009.770
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	346.322.973	197.609.168
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.511.446.800	1.342.099.448
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.809.247.852	3.247.851.762
Chi phí bằng tiền khác	1.220.007.517	1.381.589.003
Cộng	12.307.694.815	11.664.569.043

43. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý Công cụ dụng cụ	2.000.000	5.000.000
Cộng	2.000.000	5.000.000

44. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính	125.000.000	210.000.000
Chi phí khác	1.877.124	-
Cộng	126.877.124	210.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

45. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.094.771.453	7.878.255.370
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.660.087.487	(11.869.716.333)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.513.824.487	676.619.217
<i>Chi phí không được trừ</i>	486.714.874	676.619.217
<i>Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi</i>	9.027.109.613	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.853.737.000)	(12.546.335.550)
<i>Cổ tức nhận được</i>	(3.853.737.000)	(12.060.000.000)
<i>Dự phòng phải thu hoàn nhập</i>	-	(486.335.550)
Chuyển lỗ các năm	(8.754.858.940)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

46. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.094.771.453	7.878.255.370
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.094.771.453	7.878.255.370
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	77	197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

47. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	27.479.000.000	43.300.000.000
		Hoàn ứng	27.479.000.000	43.300.000.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	713.900.000	656.000.000
		Hoàn ứng	713.900.000	656.000.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	23.000.000	23.000.000
		Hoàn ứng	23.000.000	23.000.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	Giao dịch lớn	Ứng trước	-	33.100.000.000
		Hoàn ứng trước	63.310.000.000	4.790.000.000
Bà Đoàn Thị Diễm Thảo	Giao dịch lớn	Ứng trước	-	122.100.000.000
		Hoàn ứng trước	-	122.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước	12.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Vay	2.000.000.000	90.000.000.000
		Trả nợ vay	42.000.000.000	104.000.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
			Khoản phải thu	Khoản phải trả	Khoản phải thu	Khoản phải trả
			VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	-	-	40.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	Giao dịch lớn	Ứng trước	-	-	63.310.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	1.513.019.000	1.329.473.000
Cộng	1.513.019.000	1.329.473.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

48. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa để làm Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 55, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019 và Phụ lục 01 Tiện ích và chi phí tiện ích với Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt. Theo đó, căn cứ Hợp đồng thuê nhà số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, thời hạn thuê tính từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/09/2033, cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	660.000.000	660.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.640.000.000	440.000.000
Từ năm thứ năm trở đi đến hết thời hạn thuê	5.720.000.000	-
Cộng	9.020.000.000	1.100.000.000

49. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Cẩm Thu
Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hoa
Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4,5 – 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa

P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3826 8999

Fax: (028) 3943 4816

Email: info@bsi.com.vn

Website: www.bsi.com.vn